

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: /TMBG-BVĐK

V/v: Yêu cầu báo giá mua sắm vật tư y tế  
(Lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 8 năm 2024

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm y tế năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Ông (bà): Trần Tiến Phi.
  - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
  - Số điện thoại: 0328.166.996
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 30 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h ngày 13 tháng 9 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
<b>A</b>	<b>Lô 1: Vật tư y tế dùng chung</b>				
1	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Dung tích chia độ tổng cộng 6ml, rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8"	Hộp 100 cái x 20 hộp/kiện	Cái	60.000
2	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Dung tích chia độ tổng cộng 12ml, rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8"	Hộp 100 cái x 12 hộp/kiện	Cái	90.000
3	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml, không kim	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số, dung tích chia độ tổng cộng 60ml. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Hộp 25 cái x 16 hộp/kiện	Cái	48.000
4	Canuyn mở khí quản các số	<p>Ống được làm bằng nhựa polyurethane (PU) hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể lưu ống đến 29 ngày</li> <li>- Thiết kế ống nòng trong tháo lắp dễ dàng, đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc</li> <li>- Vạch căn quang ở đầu xa, phía trên bóng chèn và tại vị trí lỗ mở thông khí giúp cho việc xác định vị trí ống.</li> <li>- Thiết kế miếng gắn cổ rộng và mềm mại, tai ống trong suốt và mềm mại giúp hạn chế tổn thương vùng da cổ cho bệnh nhân</li> <li>- Dùng cho bệnh nhân thở máy và không được nói</li> </ul>	1 cái/túi	Cái	120

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
5	Khóa 3 chạc có dây	Khóa ba chạc trong suốt, chiều dài ống 10cm, 25cm, chịu được áp lực $\geq 2$ bar, khoá nắp để đóng mở xoay 360 độ. Khóa ba chạc làm bằng PC, PE. Phương pháp khử trùng ETO	Thùng 500 cái	Cái	12.000
6	Ống đặt nội khí quản xoắn	Chất liệu lò xo bằng thép không gỉ hoặc tương đương, xoắn ốc bên trong ống, cực kỳ linh hoạt và mềm mại để thích ứng giải phẫu tối ưu	1cái/ túi	Cái	45
7	Ống lấy máu (có Heparine)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%.</li> <li>- Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống.</li> <li>- Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương.</li> <li>- Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.</li> </ul>	Khay 100 ống	Ống	288.000
8	Ống Citrat	<p>Ống nghiệm chân không Natri citrate</p> <p>Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%.</p> <p>Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Natri citrate 3.2%.</p> <p>Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu xanh dương.</p> <p>Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.</p>	Khay 100 ống	Ống	24.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
9	Ống K2, EDTA, 2ml hoặc 4ml nắp cao su	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP hoặc tương đương, nắp bằng nhựa LDPE hoặc tương đương, mới 100%, Nắp cao su bọc nhựa LDPE hoặc tương đương, đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) được phun dưới dạng hạt sương, Kích thước ống tối thiểu 12x75mm. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối thiểu 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Nhân màu xanh dương.</p> <p>Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p>	Khay 100 ống	Ống	288.000
10	Gạc phẫu thuật ổ bụng	<p>Thành phần: Vải dệt hút nước, Thanh/sợi cản quang.</p> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: &gt; 5 g nước/g gạc;</li> <li>- Tốc độ hút nước: &lt; 8 s;</li> <li>- Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính;</li> <li>- Tinh bột và dextrin: Không phát hiện;</li> <li>- Quy cách: 40 x 40cm x 8 lớp, có thanh/sợi cản quang.</li> <li>- Đóng gói: 5 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas.</li> </ul> <p>Chứng chỉ: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015; ISO 11135:2014, được cấp chứng nhận CE, cGMP, FDA, CFS của một nước (ngoài Việt Nam)</p>	5 cái/gói	Cái	200.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
11	Gạc hút nước	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m <sup>2</sup> . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước: 12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: 0,105%. Độ ẩm: 4,62%. Tro sulfate: 0,05% Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: 0,032%. Độ trắng: 84.3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm.	100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện	Mét	120.000
12	Bông gạc đắp vết thương	Thành phần: Vải không dệt hút nước; Bông hút nước 100% cotton. Đặc tính: - Quy cách: 6 x 15cm. - Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc (vải không dệt hút nước). - Tốc độ hút nước: ≤ 8 s; - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g bông; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Độ ẩm: ≤ 8%; Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm được đóng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế có chỉ thị màu, tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	1 cái/ gói	Cái	20.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
13	Gạc cầu	<p>Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao.  Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên;</li> <li>- Độ ẩm: &lt;8%;</li> <li>- Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính;</li> <li>- Không có tinh bột hoặc Dextrin;</li> <li>- Các chất tan trong nước: 0,5% ;</li> <li>- Trọng lượng: 23g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi : ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi;</li> <li>- Kích thước fi 30mm, 2 lớp, hình cầu.</li> </ul> <p>Đóng gói: 5 cái/gói; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas</p>	5 cái/ gói	Cái	100.000
14	Gạc thận nhân tạo	<p>Thành phần: Vải dệt hút nước.  Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: &gt; 5 g nước/g gạc;</li> <li>- Tốc độ hút nước: &lt; 8 s;</li> <li>- Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính;</li> <li>- Tinh bột và dextrin: Không phát hiện;</li> <li>- Quy cách: 3.5 x 4.5cm x 80 lớp.</li> </ul> <p>- Đóng gói: 30 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas.</p>	30 cái/ gói	Cái	40.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
15	Gạc phẫu thuật	<p>Thành phần: Vải dệt hút nước.  Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: &gt; 5 g nước/g gạc;</li> <li>- Tốc độ hút nước: &lt; 8 s;</li> <li>- Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính;</li> <li>- Tinh bột và dextrin: Không phát hiện.</li> <li>- Quy cách: 10 x 10cm x 12 lớp.</li> <li>- Đóng gói: 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng EO-Gas.</li> </ul>	10 cái/ gói	Cái	20.000
16	Bông tiêm	<p>Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 2cm x 2cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm ≤ 5 giây. Độ ẩm: ≤ 8%; Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Quy cách: 10g/ gói</p>	10g/ gói	Gói	100.000
17	Gạc mắt	<p>Thành phần: Vải không dệt hút nước; Bông hút nước 100% cotton.  Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: 5 x 7cm.</li> <li>- Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc (vải không dệt hút nước).</li> <li>- Tốc độ hút nước: ≤ 8 s;</li> <li>- Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g bông;</li> <li>- Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0.5 g/100g ;</li> <li>- Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính;</li> <li>- Độ ẩm: ≤ 8%;</li> </ul> <p>Đóng gói: 1 cái/gói - 5 cái/túi. Mỗi sản phẩm được đóng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế có chỉ thị màu, sau đó đóng 5 bao vào bao nylon. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas.</p>	1 cái/gói	Cái	40.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
18	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ ; Độ ẩm: $\leq 8\%$ ; Quy cách: 1kg/ gói	1kg/ gói	Kg	240
19	Bông ép sọ não	Thành phần: Bông hút nước 100% cotton Đặc tính: - Tốc độ hút nước: $< 8$ s; - Khả năng hút nước: $\geq 20$ g nước/g bông; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0.5$ g/100g ; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Độ ẩm: $\leq 8$ %; - Quy cách: 1.5 x 5 cm Đóng gói: 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	10 cái/ gói	Cái	20.000



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
20	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via.</li> <li>- Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Túi 1 cái	Cái	96.000
21	Bộ dây truyền dịch kim tiêm các số	<p>Dây làm bằng vật liệu nhựa nguyên sinh. Nắp bảo vệ kim chai: Chất liệu nhựa nguyên sinh. Kim chai: Chất liệu nhựa nguyên sinh. Van thoát khí: có màng lọc khí vô khuẩn. Bầu đếm giọt: trong suốt, có màng lọc dịch. Có filter lọc 15µm. Dây dẫn dài 155 cm</p> <p>Kim thường 22G, kim làm bằng thép không gỉ, có nắp chụp bảo vệ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO:13485</p>	Túi 1 bộ x 500 bộ/ thùng	Bộ	350.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Kim lấy thuốc các số	Kim được làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc nhọn. Không độc, không gây sốt. Tiệt trùng bằng khí EO.	100 cái/ hộp	Cái	180.000
23	Găng tay khám	Găng tay y tế sử dụng một lần. - Chất liệu: 100% cao su thiên nhiên. - Các đặc tính kỹ thuật và tính chất vật lý: + Độ dày (mm): Ngón tay 0,11±0,02; Lòng găng: 0,10 ± 0,02 + Lượng bột: Tối đa 10mg/dm <sup>2</sup> .	50 đôi/ hộp	Đôi	500.000
24	Canuyn Mayer các số	- Thiết kế bán cứng, không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Các cạnh được hoàn thiện mịn và bo tròn, ít sang chấn miệng, tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân - Đường dẫn khí êm ái giúp làm sạch dễ dàng	1 cái/túi	Cái	260
25	Dây thở oxy	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥2200 mm, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO	Túi 1 cái x 300 túi / kiện	Bộ	5.000
26	Ống thông dạ dày	- Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	Túi 25 cái x 20 túi / kiện	Cái	3.200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	Túi dẫn lưu nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</li> <li>- Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu.</li> <li>- Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC.</li> <li>- Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương</li> </ul>	01 Túi/Cái	Cái	8.000
28	Bầu xông khí dung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung.</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2100</math>mm, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.</li> <li>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân.</li> <li>- Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</li> <li>- Các cỡ: M, L, XL.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.</li> </ul>	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
29	Gel siêu âm	- Gel sử dụng trong siêu âm. Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	Can 5 lít	Lít	400
30	Giấy in ảnh siêu âm	UST -110S có thể sử dụng phổ biến trong tất cả các dòng máy in Sony, Mitsubishi và Toshiba , kích thước 110 mm x 20 m, độ dày $76 \pm 4\mu\text{m}$ , không chứa BPA. Số lượng in trên mỗi cuộn 215 bản in	Túi 01 cuộn/ Hộp 10 cuộn	Cuộn	1.000
31	Bột PAC	Dạng bột mịn màu trắng hoặc vàng nhạt, Bao 25kg, kiểm tra chất lượng Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> : 29±1 (%); độ kiềm: ≥45%, hàm lượng cặn không tan ≤ 0,5%	25kg/ bao	Kg	400
32	Băng hấp khô	Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu đen với nhiệt độ 121±3oC trong thời gian 3 - 10 phút hoặc nhiệt độ 134±3oC trong thời gian 30 giây - 2 phút; Lực dính: 8 N/25mm; Không chứa chì; Kích cỡ: 19mm x 50m; 48 cuộn/thùng	48 cuộn/ thùng	Cuộn	48
33	Dây nối bơm tiêm điện 75cm (dây nhỏ)	Dây nối bơm tiêm điện đường ống bằng PVC không DEHP, đường kính trong ống 0.9mm, đường kính ngoài ống 1.9mm, chiều dài ống 75cm. Chịu áp lực: ≥ 2 bar . Phương pháp khử trùng ETO. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Túi 1 cái	Cái	6.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
34	Dây nối bơm tiêm điện loại 140cm	Dây nối bơm tiêm điện đường ống bằng PVC không DEHP, đường kính trong ống 0.9mm, đường kính ngoài ống 1.9mm, chiều dài ống 140cm. Chịu áp lực: $\geq 2$ bar . Phương pháp khử trùng ETO.	Túi 1 cái	Cái	1.000
35	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 110mm x 140mm x 200sh, dùng cho máy điện tim 6 cần	10 tập/ hộp	Tập	2.000
36	Giấy ECG cho Cardipia 400H hoặc tương đương (6 cần)	Giấy điện tim đóng gói dạng cuộn kích thước 110mm x 30m. Sử dụng phù hợp cho máy điện tim Cadipia 400H.	10 cuộn/ hộp	Cuộn	450
37	Băng dính vải lụa y tế 5 cm x 5m	Chất liệu: Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, Keo Zinc oxide không dùng dung môi, Nguyên liệu các nước G7, tiêu chuẩn CE-EU, được lưu hành tại các nước liên minh châu, kích thước 5cm x 5m	Hộp 01 cuộn	Cuộn	25.000
38	Dầu parafin	Chế phẩm đóng trong ống 5ml Chất lỏng trong nhớt, trong suốt, không màu, không phát quang dưới ánh sáng ban ngày.	Hộp 50 ống x 5ml	Ống	3.500
39	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc $\geq 90\%$ , tiệt trùng kín bằng khí EO hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485; ISO 9001, TCVN 8389-2010, CE hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	100.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
40	Javen	Javen 12%, có màu hơi vàng. Hàm lượng NaClO: đạt $12 \pm 1$ (g/l) ; Hàm lượng NaOH dư $\geq 1,0$ (g/l)	Can 30 lít	Lít	20.000
41	Chỉ phẫu thuật mạch máu Polypropylene số 3-0	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim 25mm, 1/2C, hai kim tròn.	Hộp 12 sợi	Sợi	48
42	Que test tiệt trùng hơi nước class 5 hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng: Kiểm tra chất lượng tiệt trùng với phương pháp tiệt trùng hơi nước</li> <li>- Kích cỡ tối thiểu: 20mm*140mm</li> <li>- Chất liệu: Giấy y tế</li> <li>- Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, không chứa chì hoặc kim loại nặng</li> <li>- Chỉ thị đổi màu rõ ràng từ xanh da trời sang đen khi tiệt trùng hơi nước</li> <li>- Điều kiện tiệt trùng: ở 121°C: tiệt trùng trong 20 phút; ở 134°C: tiệt trùng trong 7 phút</li> </ul>	Hộp 200 que	Test	7.000
43	Túi tiệt trùng Tyvek Plasma nhiệt độ thấp	<p>Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước tối thiểu 300mmx70m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Một mặt là giấy y tế cao cấp Dupont Tyvek 4058B , mặt còn lại là lớp phim trong suốt (PET/PE) độ dày tối thiểu 65 <math>\mu</math>m</li> <li>- Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chỉ thị hóa học chuyển từ tím sang hồng.</li> <li>- Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt</li> </ul>	Gói 1 cuộn	Cuộn	20

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
44	Túi tiệt trùng Tyvek Plasma nhiệt độ thấp	<p>Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước tối thiểu 200mmx70m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Một mặt là giấy y tế cao cấp Dupont Tyvek 4058B , mặt còn lại là lớp phim trong suốt (PET/PE) độ dày tối thiểu 65 µm</li> <li>- Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chi thị hóa học chuyển từ tím sang hồng.</li> <li>- Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt</li> </ul>	Gói 1 cuộn	Cuộn	20
45	Túi tiệt trùng Tyvek Plasma nhiệt độ thấp	<p>Túi ép tiệt trùng Tyvek kích thước tối thiểu 100mmx70m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Một mặt là giấy y tế cao cấp Dupont Tyvek 4058B , mặt còn lại là lớp phim trong suốt (PET/PE) độ dày tối thiểu 65 µm</li> <li>- Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chi thị hóa học chuyển từ tím sang hồng.</li> <li>- Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt</li> </ul>	Gói 1 cuộn	Cuộn	20

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
46	Túi ép ECO 3M Steri Dual hoặc tương đương	<p>Chất liệu: Giấy y tế, màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP (Phim được kết cấu gia cường 55gsm), chịu nhiệt 121 -140°C</p> <p>Chất chỉ thị (Mức chỉ thị khử trùng sử dụng mực của Tempil Hoa Kỳ): có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu vàng nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh lam chuyển sang màu xám đen nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121°C-134°C. Lực niêm phong nhiệt theo tiêu chuẩn EN868-5 <math>\geq 0,12</math>KN / M.</p>	Gói 1 cuộn; 2 cuộn/ thùng	Cuộn	15
47	Que test tiệt trùng Plasma	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ tối thiểu: 100mm*15mm</li> <li>- Chất liệu: Giấy y tế</li> <li>- Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, không chứa chì hoặc kim loại nặng</li> <li>- Chỉ thị đổi màu rõ ràng từ đỏ sang vàng khi tiệt trùng Plasma</li> </ul>	200 que (test)/hộp	Test	7.000
48	Bộ kim quang laze nội mạch	<p>Kim quang được làm từ chất liệu ETFE nên mềm, dẻo và có thể giữ được song song với mạch máu, ít có khả năng làm tổn thương tĩnh mạch hơn so với kim làm bằng thép không gỉ.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO:13485</p>	Túi 1 Cái (Túi 1 bộ), 50 cái/1hộp	Bộ	4.000
49	Chỉ không tan tổng hợp số 5-0	<p>Chỉ không tan tổng hợp nylon số 5/0 dài 75m kim tam giác 3/8C 16mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 hoặc tương đương, phủ silicone</p>	Hộp 12 sợi	Sợi	1.680



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
50	Chi phẫu thuật mạch máu Polypropylene số 4-0	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene số 4/0 dài 90cm 2 kim tròn 1/2C dài 20mm. Kim bằng thép không rỉ 302 hoặc tương đương bọc silicone, đóng gói bằng giấy Tyvek.	Hộp 12 sợi	Sợi	420
51	Muối tinh dạng viên	Công thức hóa học: NaCl Hàm lượng: 99.5%	Bao 25kg	Kg	7.000
52	Phim răng 3x4 cm	- Phim X-quang nha khoa rửa nhanh có dính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim Kích thước phim: 30.5 x 40.5mm.	50 tấm / Hộp	Tờ	200
53	Phim khô laser 14x17inch (35x43cm)	- Phim in Laser, kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao. - Kích cỡ: 14x17inch (35x43cm); - Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-mil polyester phù hợp với các loại máy in laser Trimax. - Phim có thể lưu trữ hình ảnh đến 100 năm	125 tờ / hộp	Tờ	50.000
54	Phim khô laser 8x10inch (20x25cm)	- Phim in Laser, kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao. - Kích cỡ: 8x10inch (20x25cm); - Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-mil polyester phù hợp với các loại máy in laser Trimax. - Phim có thể lưu trữ hình ảnh đến 100 năm	125 tờ / hộp	Tờ	35.000
55	Phim khô laser 10x12inch (25x30cm)	- Phim in Laser, kết hợp những ưu điểm của phương pháp tia laser khô với hình ảnh chất lượng cao. - Kích cỡ: 10x12inch (25x30cm); - Lựa chọn các kích cỡ phim với 7-mil polyester phù hợp với các loại máy in laser Trimax. - Phim có thể lưu trữ hình ảnh đến 100 năm	125 tờ / hộp	Tờ	35.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
56	Phim khô y tế 14x17 inch (35x43cm)	- Phim khô Laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Hộp tối thiểu 125 tờ. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm 90-99% Polyethylene terephthalate, <1% chất phụ gia, <1% chất kết dính	125 tờ/hộp	Tờ	18.000
57	Phim khô y tế 8x10 inch (20x25 cm)	- Phim khô laser cỡ 8x10 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. hộp tối thiểu 125 tờ	125 tờ/hộp	Tờ	12.000
58	Phim khô y tế 10x12 inch (25x30 cm)	- Phim khô laser cỡ 10x12 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. hộp tối thiểu 125 tờ	125 tờ/hộp	Tờ	12.000
59	Giấy in monitor sản khoa M1911A	Kích thước sản phẩm 150mm x 100mm x 150 sheet.	Hộp 5 tập	Tập	240
60	Băng dính độ tin cậy khô ướt	Kiểm soát tiếp xúc, Độ dày: 0.14 mm, Lực dính trên thép: 7N/25 mm, Độ kéo dãn: 107N/25 mm, Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu.	48 cuộn/thùng	Cuộn	250

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
61	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế -Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.	Gói 10 miếng	Miếng	80.000
62	Dây nối bơm tiêm điện loại 140cm	Dây nối bơm tiêm điện đường ống bằng PVC không DEHP, đường kính trong ống 0.9mm, đường kính ngoài ống 1.9mm, chiều dài ống 140cm. Chịu áp lực: ≥ 2 bar .	Túi 1 cái	Cái	6.000
63	Túi ép phòng tiệt trùng kích cỡ 250mm*70m	Túi ép phòng tiệt trùng Kích thước 250mm x 70m	Gói 1 cuộn; 4 cuộn/ thùng	Cuộn	20
64	Chỉ phẫu thuật Chromic Cutgut các số	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut các số	Hộp 12 sợi	sợi	1.200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
65	Kim gậy tê tùy sống	<p>Chất liệu thép không gỉ, mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang giúp dễ quan sát dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên và xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim.</p> <p>Size / Ext. Dia. x Length mm:  18G 1,27 x 89,  20G 0,9 x 89,  22G 0,7 x 89,  25G 0,5 x 89,  27G 0,4 x 89</p>	Hộp 50 cái	Cái	5.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
66	Kim luồn nội mạch	<p>Chất liệu FEP, có 3 vạch cân quang ở thân catheter, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc. Có bầu tâm lọc xóp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tâm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần.</p> <p>Các cỡ với các màu khác nhau:  26G x 3/4" (O.D: 0,64 x 19mm, 19ml/min): màu tím;  24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng;  22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nhạt;  20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng;  18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây;  16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám;  14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;</p>	50 cái/ hộp	Cái	12.000
67	Ống hút nước bọt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần.</li> <li>- Chất liệu nhựa tốt, mềm mại để uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.</li> </ul>	Túi 100 cái	Cái	3.000
68	Sonde dẫn lưu vô trùng	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, độ mềm vừa phải. Tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng 1 lần	1 cái/ túi; 50 cái/ hộp	Cái	4.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
69	Sonde hút nhớt có van (kốp)	Được sử dụng với mục đích hút đờm dãi bệnh nhân trong khoang miệng đến hầu, hốc mũi để thông tắc đường thở cho bệnh nhân. Đặt đầu mềm luôn vào mũi bệnh nhân, đầu kia cắm vào máy hút dịch hoặc syringe hút. Sản phẩm sử dụng một lần, không tái sử dụng ngăn ngừa nhiễm khuẩn. Có van kiểm soát	Túi 1 cái	Cái	15.000
70	Kim châm cứu các cỡ	- Thân kim làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẻo, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, sắc bén, không gây đau. - Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều. - Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần.	10 cái/túi ; 10 túi/hộp	Cái	200.000
71	Megasep gta extra (Steranios)	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 +A1 và diệt Mycobacteria theo tiêu chuẩn EN 14563 trong 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch).	Can 5L/ thùng 4 can	Can	200
72	Ống đựng nước tiểu có nắp dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Ống nghiệm PP tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Có nắp đậy sẵn.	300 cái/ túi	Cái	40.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
73	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cổng các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau.</li> <li>- Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng.</li> <li>- Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau.</li> <li>- Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật rẽ dàng.</li> <li>- Khoảng báo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven</li> <li>.</li> <li>- Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide).</li> <li>- Thời gian lưu kim 96 giờ.</li> <li>- 14G; Ø (2,1 x 45) mm; Flow/ Rate 270ml/ min.</li> <li>- 16G; Ø (1,8 x 45) mm; Flow/ Rate 200ml/ min.</li> <li>- 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min.</li> <li>- 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min.</li> <li>- 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min.</li> <li>- 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.</li> <li>- 26G; Ø (0,6 x 19) mm; Flow/ Rate 10ml/ min.</li> </ul>	100 cái/ 1 hộp 1000 cái/ 1 kiện	Cái	150.000
74	Viên sủi khử khuẩn	<p>Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid 6.2.  Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải  Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium</p>	Hộp 200 Viên	Viên	20.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
75	Ống nội khí quản có khớp các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu ống: Chất liệu nhựa mềm, dễ uốn cong nhưng không bị gập giúp hạn chế gây tổn thương khí quản của bệnh nhân.</li> <li>- Có 2 loại: Không có bóng chèn (uncuffed) hoặc có bóng chèn (cuffed)</li> <li>- Bóng trụ dài thể tích lớn áp lực thấp, giảm thiểu áp lực tập trung trên thành khí quản</li> <li>- Van bơm Cuff an toàn đảm bảo bóng Cuff được duy trì theo ý muốn.</li> <li>- Latex Free, đường cán quang đậm màu xanh chạy dọc thân tới mũi xa</li> <li>- Mắt tròn mềm hơn và ít xâm lấn hơn</li> <li>- Kích thước in ống rõ ràng</li> <li>- Đầu ống và các mắt Murphy trơn láng dễ luồn</li> <li>- Cung cấp đường đục vô tuyến</li> <li>- Đóng gói dạng vỉ (gói chuỗi) hoặc túi có thể bóc theo yêu cầu.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng một lần</li> <li>- Chất liệu co nối PP + MB, cán quang, tiệt trùng EO</li> </ul>	1 Cái/ Gói	Cái	4.200



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
76	Dây truyền đếm giọt	<p>Dây truyền dịch an toàn có bộ điều chỉnh giọt chính xác, tốc độ điều chỉnh cho phép 5-250ml/h. Tốc độ dòng chảy ổn định 1-96h</p> <p>Công tiêm thuốc chữ Y không chứa Latex, đầu nối khóa ren Luer lock chống rò rỉ</p> <p>Có khóa dừng (ngắt dòng) khẩn cấp</p> <p>Buồng 60 giọt/ml (kim vi lượng); dây dài 180cm, ID: 3.0mm, OD: 4.1mm, chất liệu PVC siêu mềm không DEHP. Có Màng lọc vi khuẩn 0.2µm tại van Air thông khí. Màng lọc Airguard: lọc dịch an toàn 15µm, ưa nước ngăn khí đi qua buồng nhỏ giọt: ngăn 100% bọt khí, tự động đuổi khí và khoá dịch; không cần môi dịch cho những lần truyền tiếp theo</p> <p>Chịu áp lực ≥ 3bar</p> <p>Đóng gói: một mặt trong suốt, một mặt bằng giấy thoát khí đảm bảo an toàn trong quá trình tiệt trùng bằng EO.</p>	200 chiếc/ thùng 25 chiếc/hộp	Bộ	10.000
77	Natri Salysilate 5%	Sodium (Natri) Salicylate 500mg hoặc 250g dùng để pha dung dịch điện phân	250g/ Chai	Chai	30

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
78	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các số	<p>Có bầu cao su hoặc cổng chữ Y tiếp thuốc.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4".</p> <p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1800\text{mm}</math>.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14,5\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>.</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p>	Túi 1 bộ x 500 bộ/ thùng	Bộ	100.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
79	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2 (Nắp nhựa cứng)	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương,nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiêu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p> <p>Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.</p>	Kiện 2400	Ống	120.000
80	Buồng tiêm truyền cấy dưới da loại trọng lượng nhẹ	<p>Buồng tiêm hóa chất vỏ ngoài được làm từ chất liệu Polysulphone và buồng chứa bên trong bằng Titanium, chịu được áp lực cao tới 325 psi. Có 3 lỗ khâu cố định buồng truyền vững chắc</p> <p>Kích thước buồng nhỏ: 30x22mm, cao 10.6mm, đường kính màng 9.5mm. Nặng 4g. Thể tích 0.25ml.</p> <p>Đường kính ngoài ống thông 6.5 - 8.5F. Chiều dài ống thông 800mm.</p> <p>Phụ kiện đi kèm: 1 kim chọc buồng truyền đầu thẳng, 1 kim chọc mạch máu, 1 dây dẫn chữ J, 1 dụng cụ mở đường, 1 ống thông tạo đường hầm, 1 xy lanh, 1 kim chọc buồng tiêm</p>	1 Cái/ Hộp	Cái	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
81	Kim buồng tiêm truyền	<p>Kim gấp góc có đế cố định không màu nối với dây truyền dịch có kẹp dây, không chứa thành phần latex, PVC và DEHP. Thiết kế không tạo lỗ (noncoring).</p> <p>Chiều dài dây dẫn từ kim đến đầu nối: 250mm</p> <p>Đường kính: 20G - 22G; chiều dài kim: 15-25mm</p>	1 Cái/ Gói	Cái	500
82	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel	<p>Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5- 15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu.</li> <li>- Kích thước 10x12cm</li> <li>- Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính <math>\geq 27\text{nm}</math> ((HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch</li> <li>- Thời gian lưu 7 ngày</li> <li>- Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng</li> </ul>	25 Miếng/ Hộp	Miếng	1.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
83	Bơm đàn hồi truyền liên tục 250ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm truyền dịch dễ dàng sử, có khóa an toàn, có đèn. Bơm được bảo vệ khỏi tia UV.</li> <li>- Cơ chế an toàn, ngăn ngừa quá liều.</li> <li>- Thể tích tối thiểu 60mm, tối đa 500 ml</li> <li>- Có khoá điều chỉnh 12 tốc độ : OFF, 0.5, 1.0, 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 7.5 ml/h, hoặc : OFF, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 15 ml/h</li> <li>- Công bơm thuốc vào là loại van một chiều đảm bảo thuốc không chảy ra ngoài trong khi sử dụng.</li> <li>- Phụ kiện gồm: Bơm, nhãn mác để ghi thông tin, túi đựng bơm</li> </ul>	1 Cái/ Gói	Cái	200
84	Ống nghiệm chân không EDTA K2/K3	<p>Ống đựng máu chân không            Chất liệu ống bằng nhựa PET mới 100%            Kích thước: 13x75mm            Kích thước thành ống ≥ 0,95mm            Nắp cao su bọc nhựa LDPE.            Hóa chất EDTA K2/K3 được phun sủi dạng hạt sương trên thành ống.            Nồng độ tối đa 2mg/ml.            Có vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống</p>	100 ống/ khay	Ống	400.000
85	Ống nghiệm máu chân không Citrate 3.2% 1.8ml	<p>Ống đựng máu chân không            Chất liệu ống bằng nhựa 2 lớp, nhựa PET bên ngoài và nhựa PP bên trong.            Kích thước: 13x75mm.            Nắp cao su bọc nhựa LDPE.            Hóa chất Natri citrate 3.2% được phun sủi dạng hạt sương trên thành ống.            Tỷ lệ hoá chất/máu: 1/9            Có vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống</p>	100 ống. Khay	Ống	100.000
86	Kim lấy máu chân không 21G/22G	<p>Kim cắt vát sắc nhọn giúp lấy máu không đau, độc độc, khóa ren. Không latex, không gây sốt. Có tem vỡ niêm phong nắp đảm bảo dùng một lần.            Cỡ 21G màu đen, 22G màu xanh. Tiệt trùng bằng EO gas. Dùng trong lấy máu chân không.</p>	100 cái/ hộp	Cái	500.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
87	Túi máu ba 250ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi máu Đỉnh - Đỉnh chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2 – 6 oC, khối dung dịch SAG-M bảo quản hồng cầu tới 42 ngày.</li> <li>- Túi 1 : Dung tích cho phép chứa 250ml máu toàn phần. Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD.</li> <li>- Túi 2 : Túi rỗng, dung tích 300ml</li> <li>- Túi 3 : Dung tích 300ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Túi chứa sẵn 56mL dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M</li> <li>- Chất liệu túi: nhựa PVC y tế đáp ứng USP32, ISO3826, chất làm mềm Di (2-ethyl hexyl) phthalate.</li> <li>- Bộ lấy máu chân không và túi mẫu nhỏ gắn kim. Có cơ cấu bảo vệ an toàn bịt đầu kim sau khi lấy máu</li> <li>- Mỗi bộ túi được tiệt trùng và đóng gói riêng từng bộ trong túi chân không và được đóng trong túi hỗn hợp nhôm</li> <li>- Ống dây làm bằng nhựa PVC y tế không màu, mềm, trong suốt, chống vặn xoắn. Ống dây chính có trang bị sẵn kẹp nhựa để đóng/ mở dòng máu. Ống dây lấy máu dài 950 – 1300 mm, có trang bị kim phủ silicon 2 lớp, cỡ 16G siêu mỏng cho dùng chảy lớn, có nắp bảo vệ kim.</li> <li>- Kích thước lòng túi : 136 x 110 mm</li> <li>- Đóng gói: 1 túi máu/ túi, 3 túi máu/túi nhôm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE hoặc FDA.</li> </ul>	3 túi/ gói	Túi	4.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
88	Túi máu ba 350ml	<p>‘- Túi máu Đinh-Đinh chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2 – 6 oC, khối dung dịch SAG-M bảo quản hồng cầu tới 42 ngày.</p> <p>- Túi 1 : dung tích cho phép chứa 350ml máu toàn phần. Túi chứa sẵn 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD.</p> <p>- Túi 2 : túi rỗng, dung tích 400ml</p> <p>- Túi 3 : dung tích 400ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Túi chứa sẵn 78mL dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M</p> <p>- Chất liệu túi: nhựa PVC y tế đáp ứng USP32, ISO3826, chất làm mềm Di(2-ethyl hexyl) phthalate.</p> <p>- Bộ lấy máu chân không và túi mẫu nhỏ gắn kim. Có cơ cấu bảo vệ an toàn bịt đầu kim sau khi lấy máu</p> <p>- Mỗi bộ túi được tiệt trùng và đóng gói riêng từng bộ trong túi chân không và được đóng trong túi hỗn hợp nhôm</p> <p>- Ống dây làm bằng nhựa PVC y tế không màu, mềm, trong suốt, chống vặn xoắn. Ống dây chính có trang bị sẵn kẹp nhựa để đóng/ mở dòng máu. Ống dây lấy máu dài 950 – 1300 mm, có trang bị kim phủ silicon 2 lớp, cỡ 16G siêu mỏng cho dùng chảy lớn, có nắp bảo vệ kim.</p> <p>+ Kích thước lòng túi: 147x125 mm</p> <p>+ Đóng gói: 1 túi máu/ túi, 3 túi máu/túi nhôm</p> <p>+ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE hoặc FDA.</p>	3 túi/ gói	Túi	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
89	Túi máu bốn 350ml	<p>‘- Túi máu Đỉnh-Đỉnh chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2 – 6 oC, khối dung dịch SAG-M bảo quản hồng cầu tới 42 ngày.</p> <p>- Túi 1 : dung tích cho phép chứa 350ml máu toàn phần. Túi chứa sẵn 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD.</p> <p>- Túi 2&amp;3 : túi rỗng, dung tích 400ml</p> <p>- Túi 4 : dung tích 400ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Túi chứa sẵn 78mL dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M</p> <p>- Chất liệu túi: nhựa PVC y tế đáp ứng USP32, ISO3826, chất làm mềm Di(2-ethyl hexyl) phthalate.</p> <p>- Mỗi bộ túi được tiệt trùng và đóng gói riêng từng bộ trong túi chân không và được đóng trong túi hỗn hợp nhôm</p> <p>- Ống dây làm bằng nhựa PVC y tế không màu, mềm, trong suốt, chống vận xoắn. Ống dây chính có trang bị sẵn kẹp nhựa để đóng/ mở dòng máu. Ống dây lấy máu dài 950 – 1300 mm, có trang bị kim phủ silicon 2 lớp, cỡ 16G siêu mỏng cho dùng chảy lớn, có nắp bảo vệ kim.</p> <p>+ Kích thước lòng túi: 147x125 mm</p> <p>+ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE hoặc FDA.</p>	3 túi/ gói	Túi	3.000
90	Ống nghiệm nước tiểu có nắp	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 16x100mm, nắp trắng, mới 100%</p>	Túi 300 ống	Ống	20.000



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
91	Ống nghiệm Heparin (Lithium) chân không	Ống nghiệm Heparin nắp nhựa Chất liệu thân ống bằng nhựa PET Kích thước: 13x75mm ( $\pm 10\%$ ) Kích thước thành ống: $\geq 0.95\text{mm}$ Nắp cao su bọc nhựa LDPE. Thành phần: $\geq 20\text{IU/ml}$ Lithium Heparin phun sương bám vào thành trong ống Có vạch định sẵn 2ml Đạt tối thiểu chứng nhận: ISO 13485, CE.	Hộp 100 ống	Ống	200.000
92	Ống Serum chân không	Ống chân không Chất liệu thân ống bằng nhựa PET Kích thước: 13x75mm ( $\pm 10\%$ ) Kích thước thành ống: $\geq 0.95\text{mm}$ Hóa chất: Hóa chất làm đông máu nhanh Clot activator Có vạch định sẵn 2ml Đạt tối thiểu chứng nhận: ISO 13485, CE.	Hộp 100 ống	Ống	200.000
93	Kim lấy máu dạng kim bướm	Kim cắt vát sắc nhọn giúp lấy máu không đau, dây dẫn bằng nhựa y tế PVC an toàn, cánh màu đen hoặc xanh lá, khóa ren. Không Latex, không gây sốt. Cỡ 22G, 23G. Đóng gói từng chiếc, tiệt trùng bằng EO gas. Dùng trong lấy máu chân không.	50 cái/ hộp	Cái	500.000
94	Ống nghiệm EDTA K2/K3 chân không 4ml	Ống đựng máu chân không Chất liệu ống bằng nhựa PET mới 100% Kích thước: 13x75mm Kích thước thành ống $\geq 0,95\text{mm}$ Nắp cao su bọc nhựa LDPE. Hóa chất EDTA K3 được phun sương dạng hạt sương trên thành ống. Nồng độ tối đa 2mg/ml. Có vạch lấy mẫu 4ml trên nhãn ống Đạt chứng nhận: CE, ISO 13485	Hộp 100 ống	Ống	10.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
95	Lọ lấy mẫu vô trùng	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong,	50 lọ/ túi	Lọ	40.000
96	Tăm bông vô trùng	- Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông - Nắp ống màu đỏ được làm bằng nhựa PP chính phẩm	100 chiếc/túi	Cái	1.000
97	Mỏ vịt nhựa	- Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt. - Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa, dễ dàng điều chỉnh độ mở, giúp cho tầm quan sát rộng. - Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)"	01 cái/ túi	Cái	2.000
98	Ống thủy tinh 1,8 x 18 cm	Ống nghiệm thủy tinh không nắp KT 1,8 x 18cm	Thùng 5000 cái	Cái	500
99	Ống thủy tinh 1,6 x 10 cm	Ống nghiệm thủy tinh không nắp KT 1,6 x 10cm	Thùng 5000 cái	Cái	500
100	Đĩa nhựa Petri	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính 90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào. Tiệt trùng bằng khí EO.	10 cái / túi	Cái	10.000
101	Pipet nhựa vô khuẩn 5ml	'- Chất liệu: Nhựa Polystyrene nguyên chất - Thể tích: 5ml - Chiều dài: 388 ± 3mm - Quy cách đóng gói: 1 cái/túi	01 cái/ túi/ 500 cái/ hộp	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
102	Hộp đựng ống Cryotube nhựa	- Hộp đựng ống cryotube được làm bằng nhựa PP dẻo dai; kháng hóa chất, rượu và dung môi hữu cơ nhẹ. Hộp sử dụng tương thích với microtubes 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và lọ đông lạnh. - Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C (hấp diệt trùng được).	30 cái/ thùng	Cái	50
103	Đèn cồn	Đèn cồn	Hộp 1 cái	Cái	20
104	Sample cup 0,5ml	Chất liệu nhựa PS nguyên sinh, dung tích 0,5ml	500 chiếc/túi	Túi	10
105	Sample cup 2ml	Chất liệu nhựa PS nguyên sinh, phù hợp cho máy Beckman, kích thước 14*25mm.	500 chiếc/túi	Túi	10
106	Sample cup 5ml	Chất liệu nhựa PS nguyên sinh	500 chiếc/túi	Túi	10
107	Giấy định nhóm máu tại giường bệnh	Giấy định nhóm máu đầu giường, không bị thấm, bị ngấm	Túi 1000 giấy	Tờ	15000
108	Chỉ Silk số 2/0 13x60cm	Số 2/0 không kim, sợi chỉ dài 60cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Hộp 12 vi (vi 13 sợi)	Sợi	1500
109	Chỉ Silk số 3/0 13x60cm	Số 3/0 không kim, sợi chỉ dài 60cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bện bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng.	Hộp 12 vi (vi 13 sợi)	Sợi	1200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
110	Catherter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	<p>Catheter TMTT 1 nòng các cỡ 16G, 14G dài 20cm</p> <p>Bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Catheter đầu tròn mềm làm bằng vật liệu Polyurethane có cân quang. Có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác.</li> <li>- Dây dẫn đầu J mềm linh hoạt kích thước 0.08x60cm</li> <li>- Cây nong</li> <li>- Kim dẫn đường chữ Y</li> <li>- Bơm tiêm 5ml</li> <li>- Dao mổ, nút chặn</li> </ul>	Hộp 1 cái	Cái	100
111	Catherter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	<p>Catheter TMTT 2 nòng 7Fr dài 20cm; 16cm; kích cỡ nòng G14, G18</p> <p>Bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Catheter đầu tròn mềm làm bằng vật liệu Polyurethane có cân quang. Có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác.</li> <li>- Dây dẫn đầu J mềm linh hoạt kích thước 0.035"</li> <li>- Cây nong</li> <li>- Kim dẫn đường chữ Y</li> <li>- Bơm tiêm 5ml</li> <li>- Dao mổ, nút chặn</li> </ul>	Hộp 1 cái	Cái	250
112	Art -line bộ dẫn truyền (Bộ đặt Art -line đo huyết áp động mạch liên tục đầy đủ) máy TRISMED VITAPIA 7000K	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 cảm biến đo áp lực;</li> <li>- Dây truyền chịu áp lực gồm 2 dây dài 100cm và dài 20cm, 02 khoá 3 ngã, 02 nắp đậy;</li> <li>- Chất liệu PC hoặc PVC hoặc tương đương, không chứa Latex. Dải đo: từ -30 đến 300 mmHg, Bảo vệ quá áp: từ -400 đến 4000 mmHg;</li> <li>- Các loại huyết áp được phân biệt bởi sticker màu khác nhau.</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp 1 bộ	Bộ	100

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
113	Vôi Sô đa	Vôi sô đa	Can 5L(4,5kg)	kg	250
114	Huyết áp đồng hồ có dán tem kiểm định	Mức đo: 20 - 300mmHg Độ chính xác: Huyết áp: $\pm 3$ mmHg hoặc 2% Nhịp tim: $\pm 5\%$ Bộ sản phẩm đầy đủ gồm: 01 Đồng hồ 01 Bao đo kèm dây dẫn khí 01 Quả bóp bóng kèm theo vale 01 Túi nhựa đựng máy 01 Hộp giấy.	Hộp 1 cái	Cái	100
115	Ống nghe tim phổi	bao gồm chuông nghe và màng nghe Ống chữ Y nhựa P.V.C	Hộp 1 cái	Cái	50
116	Quả lọc tách huyết tương sử dụng cho máy lọc máu liên tục Diapact	Màng lọc tách huyết tương diện tích hiệu dụng 0.45 m <sup>2</sup> , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet , dày sợi màng 100 micromet , kích thước lỗ màng $\leq 0.5$ micromet, tiết trùng Ethylene oxide, thể tích ngăn máu 50 ml , thể tích ngăn huyết tương 125 ml , tốc độ máu tối đa 200ml/ phút , tốc độ huyết tương = 30% tốc độ máu , TMP tối đa 80mmHg	20 quả/ thùng	Quả	50
117	Bộ dây dẫn máu cho liệu pháp tách huyết tương sử dụng cho máy lọc máu liên tục Diapact	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương	1 bộ/ hộp	Bộ	50
118	Túi thải 5L	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn ( $\varnothing 8$ mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: 5L	40 cái/ hộp	Cái	150

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
II	Vật tư tiêu hao răng hàm mặt				
1	Nong số 8 (xám) các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nong số 08 là sản phẩm trám tay giúp Bác sĩ thăm dò, mở rộng ống tủy và thông tắc các ống tủy bị vôi hóa, ống tủy bị tắc.</li> <li>- Kích thước nhỏ giúp D-Finders dễ dàng tìm những ống tủy bị bít tắc ở miệng lỗ ống tủy.</li> <li>- Độ thuận: 2%</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm ; 25mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	300
2	Nong số 10 (tím) các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nong số 10 là sản phẩm trám tay giúp Bác sĩ thăm dò, mở rộng ống tủy và thông tắc các ống tủy bị vôi hóa, ống tủy bị tắc.</li> <li>- Kích thước nhỏ giúp D-Finders dễ dàng tìm những ống tủy bị bít tắc ở miệng lỗ ống tủy.</li> <li>- Độ thuận: 2%</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	300
3	Nong số 15 (trắng) các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nong số 15 là sản phẩm trám tay giúp Bác sĩ thăm dò, mở rộng ống tủy và thông tắc các ống tủy bị vôi hóa, ống tủy bị tắc.</li> <li>- Độ thuận: 2%</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	300
4	Nong số 20 (vàng) các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nong số 20 là sản phẩm trám tay giúp Bác sĩ thăm dò, mở rộng ống tủy và thông tắc các ống tủy bị vôi hóa, ống tủy bị tắc.</li> <li>- Độ thuận: 2%</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm , 25mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	300

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
5	Nong số 25 (đỏ) các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nong số 25 là sản phẩm trám tay giúp Bác sĩ thăm dò, mở rộng ống tủy và thông tắc các ống tủy bị vô hóa, ống tủy bị tắc.</li> <li>- Độ thuôn: 2%</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	300
6	Bộ file nong từ số 15 đến 40 dài 21mm, 25mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống Niti Flare files là hệ thống trám tay nội nha với độ thuôn đồng nhất 5% .</li> <li>- Được làm từ vật liệu niken không gỉ , với thiết diện mặt cắt hình tam giác mang lại hiệu quả nạo và cắt ống tủy cao .</li> <li>- Niti Flare Files có sẵn độ thuôn là 5% nên giúp cho việc tạo hình ống tủy dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn cùng với số lượng files ít hơn.</li> <li>- Chiều dài phân làm việc: 21mm, 25mm</li> <li>- Đường kính đầu: 0.15-0.40mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	200
7	Bộ file giữa từ số 15 đến 40 dài 21mm,25mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ giữa file 15-40mm dùng để mở rộng ống tủy, dũa mịn thành ống tủy.</li> <li>- Độ thuôn: 2%</li> <li>- Vật liệu: Hợp kim</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm , 25mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Hộp	100
8	Gutta Percha các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gutta percha số 15, 20,25, 30, 35, 40 dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha.</li> <li>- Vạch đánh dấu chiều dài giúp dễ dàng kiểm soát chóp chân răng trong quá trình trám bít ống tủy.</li> </ul>	Hộp 120 cái	Hộp	50
9	Gutta Percha F1	Gutta Percha F1 dùng trong trám bít ống tủy nội nha.	Hộp 60 cái	Hộp	20
10	Gutta Percha F2	Gutta Percha F2 dùng trong trám bít ống tủy nội nha.	Hộp 60 cái	Hộp	15
11	Gutta Percha F3	Gutta Percha F3 dùng trong trám bít ống tủy nội nha.	Hộp 60 cái	Hộp	15

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
12	Matrix (khuôn trám)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại kim loại linh hoạt, đủ độ mềm dẻo để uốn cong như mong muốn.</li> <li>- Độ dày phù hợp để tái tạo tiếp xúc bên hoàn hảo.</li> <li>- Các góc cạnh nhẵn mịn bảo vệ nướu.</li> <li>- Có thể hấp và tái sử dụng.</li> <li>- Đại kim loại linh hoạt, ổn định vị trí, dễ sử dụng.</li> </ul>	Túi 12 cái	Lá	100
13	Fuji 9 (glassionomer cement-GIC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng</li> <li>- Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám.</li> <li>- Độ bền nén và độ bền uốn cao.</li> <li>- Chịu độ ẩm tốt.</li> <li>- Chỉ định: xoang I; xoang II ít chịu lực, trám tái tạo cùi.</li> <li>- Fuji 9 cho miếng trám có độ bền cao và vững ổn, khít sát xoang trám, hạn chế vi kẽ.</li> <li>- Dễ trộn và sử dụng.</li> <li>- Màu: A3, A3.5</li> </ul>	Hộp 15g	Hộp	30
14	Composite đặc màu A2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp, sử dụng trám các răng trước và sau</li> <li>- Ít co, lực cọ thấp. Độ kháng mài mòn cao.</li> <li>- Dễ điều khắc và đánh bóng. Có độ bóng cao, màu sắc tự nhiên.</li> <li>- Tính ổn định cao, bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc.</li> </ul>	Túi 10 nhộng (nhộng 0,25gam)	Nhộng	100



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
15	Composite đặc màu A3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp , sử dụng trám các răng trước và sau</li> <li>- Ít co , lực co thấp . Độ kháng mài mòn cao .</li> <li>- Dễ điều khắc và đánh bóng . Có độ bóng cao , màu sắc tự nhiên .</li> <li>- Tính ổn định cao , bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc .</li> </ul>	Túi 10 nhộng ( nhộng 0,25gam)	Nhộng	300
16	Composite đặc màu A3.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tetric N-Ceram là composite nano-hybrid optimized dạng dẻo quang trùng hợp , sử dụng trám các răng trước và sau</li> <li>- Ít co , lực co thấp . Độ kháng mài mòn cao .</li> <li>- Dễ điều khắc và đánh bóng . Có độ bóng cao , màu sắc tự nhiên .</li> <li>- Tính ổn định cao , bền màu và không bị dính vào dụng cụ khi điều khắc .</li> </ul>	Túi 10 nhộng ( nhộng 0,25gam)	Nhộng	300
17	Composite lỏng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tetric N-Flow là composite lỏng quang trùng hợp .</li> <li>- Độ chảy lỏng và độ cản quang cao , dễ để chạm tới những vùng khó tiếp cận . Trùng hợp trong vòng 10 giây .</li> <li>- Màu sắc đa dạng và tự nhiên . Kết hợp hoàn hảo cùng composite đặc</li> </ul>	Túi 10 nhộng ( nhộng 0,25gam)	Nhộng	500
18	Acid Etching	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Etching gel với nồng độ 37% dùng xoi mòn men , ngà răng khi chuẩn bị trám răng , đính hạt , gắn phục hình ...</li> <li>- Một Tupe 2g</li> </ul>	Tuýp 2 gam	Lọ	20
19	Keo Bond	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tetric N-Bond Universal là keo dán quang trùng hợp 3 trong 1 dùng cho các quy trình trực tiếp và gián tiếp tương thích với các kỹ thuật xói mòn .</li> <li>- Keo có lực dán tốt trên cả lớp ngà khô và ướt , đặc biệt dùng để dán phục hình veneer khi kết hợp với xi măng composite .</li> </ul>	Lọ 6 gam	Lọ	5

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
20	Bông Bond	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cọ bond siêu nhỏ dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần .</li> <li>- Đa dạng kích cỡ phù hợp với nhiều cầu nhu cầu sử dụng : siêu mịn ( trắng tím ) , mịn ( vàng ) , trung bình ( xanh dương ) , lớn ( xanh lá ) .</li> <li>- Đầu cọ nhỏ mịn , đều đặn , chắc chắn , không bị tưa mòn trong quá trình sử dụng.</li> <li>- Đóng gói phù hợp tránh gây nhiễm chéo .</li> </ul>	Hộp 100c	Hộp	15
21	Chổi cước đánh bóng răng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chổi cước TPC được sử dụng trong việc đánh bóng lại về mặt răng .</li> <li>- Chổi đánh bóng : Chế tác từ sợi cước y tế chuyên dụng , độ mềm mại và cứng cáp .</li> <li>- Cán chổi chắc chắn : thiết kế để giữ sợi cước chặt chẽ , đảm bảo độ bền .</li> <li>- Hiệu quả nhanh chóng trong quá trình sử dụng , mang lại độ bóng và chất lượng cho răng sứ sau khi mài .</li> <li>- Sợi cước Y tế dẻo và cứng cáp : Đảm bảo hiệu quả làm sạch trong quá trình sử dụng và giảm tình trạng rơi sợi cước tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân .</li> <li>- Chống nhuộm màu và bám dính : Hỗ trợ tăng khả năng phục hồi màu trắng tự nhiên sau trám , mang lại về mặt răng láng mịn với khả năng chống bám dính cao .</li> </ul>	Hộp 144 cái	Cái	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Paste đánh bóng răng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Enhance đánh bóng được thiết kế để cung cấp kết quả đánh bóng xuất sắc cho các bề mặt composite trong quá trình điều trị nha khoa</li> <li>- Hiệu suất đánh bóng cao : Enhance mang lại kết quả đánh bóng đều và sáng bóng trên bề mặt , tạo ra hiệu ứng thẩm mỹ tốt .</li> <li>- Dễ sử dụng : Thiết kế nhẹ và đơn giản giúp người sử dụng dễ dàng điều khiển và đạt kết quả mong muốn .</li> <li>- An toàn cho Composite : không gây hại cho các loại composite thường được sử dụng trong điều trị nha khoa .</li> </ul>	Hộp 200 cái	Cốc	300
23	Eugenol	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau nhức , dùng là thuốc băng ống tủy hoặc kết hợp các loại thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nha khoa .</li> </ul>	Lọ 30ml	Lọ	2
24	Cortisol	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cortisol là chất làm đầy chuyên dụng trong nha khoa , sử dụng cho các vị trí răng đã diệt tủy .</li> <li>- Thành phần bao gồm : Prednisolone acetate 1,1% , Diiodothymol , kẽm oxit , Bari sunfat và tá dược .</li> <li>- Tương tác sinh học và độ cản quang tốt tương tự răng thật , với độ cứng và chắc chắn đã được kiểm định .</li> <li>- Giúp giảm đau , giảm ê buốt chống viêm tại vị trí sau khi điều trị tủy .</li> </ul>	Hộp 23 gam	Hộp	2
25	Kẽm Oxit nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Zno zinc oxide Xylong kẽm oxit lọ 500g CAS 1314-13-2</li> <li>- Được đóng gói 500g/hộp .</li> </ul>	Lọ 500g	Lọ	1
26	Thuốc diệt tủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được bào chế dưới dạng bột nhão nha khoa với thành phần : Ephendrin , lidocain , camphor , parachlorophenol .</li> </ul>	Lọ 5 gam	Lọ	2

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	Chất hàn tạm Caviton	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất trám tạm tiện dụng , nhanh chóng và bền vững trong môi trường miệng .</li> <li>- Sử dụng trong quá trình chữa tủy , trám theo dõi .</li> <li>- Độ cứng chắc , bám dính tốt và nhanh cứng , vẫn dễ dàng tháo gỡ .</li> </ul>	Hộp 30 gam	Hộp	10
28	Mũi khoan kim cương tròn	<p>Mũi khoan kim cương đầu tròn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền , thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan .</li> <li>- Chiều dài làm việc từ 0.5mm đến 3.3mm.</li> <li>- Đường kính từ 0.6mm-3.5mm</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	200
29	Mũi khoan kim cương trụ	<p>Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền , thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan.</li> <li>- Chiều dài làm việc từ 4.0mm đến 8.0mm.</li> <li>- Đường kính từ 0.9mm-1.6mm</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	200
30	Mũi khoan kim cương đuôi chuột	<p>Mũi khoan kim cương chóp nhọn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi khoan với lớp mạ kim cương siêu bền , thiết kế vát cạnh phần đuôi cán giúp tăng độ bền tay khoan .</li> <li>- Chiều dài làm việc từ 8.0mm đến 11.5mm.</li> <li>- Đường kính từ 1.0mm-1.8mm</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	100
31	Mũi khoan kim cương mờ tủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu đầu mũi khoan phủ mạ kim cương với đầu không cắt tránh thủng sản, dùng mờ tủy</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	Mũi khoan Endo Z	<p>Mũi khoan Endo Z</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi khoan Endo Z với chức năng mở tủy an toàn cho sàn tủy .</li> <li>- Lưỡi cắt sắc bén , mạnh mẽ , hiệu quả , rút ngắn thời gian thao tác .</li> <li>- Đầu có hình phễu dễ dàng đi vào buồng tủy , đầu không cắt bảo vệ sàn tủy .</li> <li>- Mũi khoan Endo Z có chiều dài 21mm hoặc 25mm , với chiều dài đầu làm việc 9mm .</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	20
33	Mũi khoan phẫu thuật cho tay khoan nhanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng thép hoặc kim cương đầu mũi có dạng răng cưa.</li> </ul> <p>Chiều dài mũi cắt: 9mm. Đường kính đỉnh: 016mm. Chiều dài tay nhanh: 26mm</p>	Vi 5 cái	Cái	30
34	Mũi khoan Gate Gliden	<p>Mũi khoan Gates</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để mở miệng ống tủy và tạo sự liên tục giữa vách ống tủy và thành buồng tủy .</li> <li>- Mũi được sử dụng với tay khoan chậm với tốc độ phù hợp từ 800 -1200 RPM .</li> <li>- Chiều dài: 28/32/38mm</li> <li>- Đường kính: 0.5mm- 1.5mm</li> </ul>	Hộp 6 cái	Cái	10
35	Trâm gai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trâm gai dùng để lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy .</li> <li>- Thiết kế cán cầm chắc chắn , các gai đàn hồi , sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác</li> <li>- Trâm gai được chia làm 6 size , được hiển thị theo màu trên tay cầm .</li> <li>- Chiều dài làm việc: 21mm</li> </ul>	Vi 5 cái	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
36	Cây lèn ngang số 20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lèn ngang có tác dụng tạo áp lực và khoảng trống để lèn chặt cone vào trong ống tủy .</li> <li>- Được phân màu theo tiêu chuẩn ISO .</li> <li>- Sản phẩm có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao , dễ vệ sinh trong quá trình sử dụng .</li> <li>- Lèn ngang size 20 được biểu thị bằng màu vàng , với chiều dài làm việc là 21 và 25 mm .</li> </ul>	Hộp 6c	Hộp	5
37	Cây lèn ngang đủ số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lèn ngang có tác dụng tạo áp lực và khoảng trống để lèn chặt cone vào trong ống tủy .</li> <li>- Được phân màu theo tiêu chuẩn ISO .</li> <li>- Sản phẩm có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao , dễ vệ sinh trong quá trình sử dụng .</li> <li>- Lèn ngang được chia làm 6 size , với chiều dài làm việc là 21 và 25 mm .</li> </ul>	Hộp 6c	Hộp	5
38	Giấy đánh chất hàn	Giấy đánh chất hàn dùng trong nha khoa	Tập	Tập	30
39	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan có tác dụng làm sạch nhanh , hiệu quả và bôi trơn cái loại tay khoan nhanh , tay khoan chậm và motor hơi .	Chai 550 ml	Chai	3
40	Tay lấy cao răng insert	<p>Cây cạo vôi vãng Insert dưới nước , trên nước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần số hoạt động : 25KHz <math>\pm</math> 5% .</li> <li>- Công suất hoạt động ở chế độ thường : 10w ~ 30w <math>\pm</math> 10% .</li> <li>- Công suất hoạt động với chế độ " Turbo " : 20W ~ 35W <math>\pm</math> 10% .</li> <li>- Áp lực nước cung cấp : 25 ~60PSIG ( 171 ~ 414 Kpa )</li> </ul>	Cái	Cây	30
41	Mặt gương nha khoa	<p>Mặt gương khám</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gương được làm bằng chất liệu Inox không gỉ , mặt gương sáng bóng ;</li> <li>- Gương bao gồm cán gắn liền với mặt gương bán kính 1cm -2cm , chiều dài cán khoảng 12.5cm</li> </ul>	Hộp 12 cái	Cái	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
42	Cán gương nha khoa	Cán gương nha khoa - Cán gương được làm từ chất liệu thép không gỉ với kích thước 12cm ± 0.5cm	Túi 1 cái	Cái	100
43	Gắp khám nha khoa	Kẹp gắp nha khoa - Kẹp được làm từ chất liệu Inox không gỉ , bền chắc và tiện lợi trong quá trình thao tác sử dụng .	Túi 1 cái	Cái	50
44	Thám châm	Thám châm nha khoa - Thám châm được dùng để định vị các lỗ ống tủy , có hai đầu dài , một đầu cong, một đầu nghiêng , nhọn và sắc bén . - Thám được làm từ vật liệu inox không gỉ , đảm bảo về độ bền trong quá trình sử dụng .	Túi 1 cái	Cái	50
45	Cây điều trị 2 đầu	- Được làm từ vật liệu inox không gỉ. - Cây hàn được thiết kế với 1 đầu dẹt và 1 đầu tròn .	Túi 1 cái	Cây	5
46	Kính đánh chất hàn	- Kính được thiết kế với một nửa mặt trơn và một nửa mặt nhám . - Kính dày 10mm được mài 4 cạnh giúp cho an toàn khi thao tác đánh thuốc .	Cái	Miếng	2
47	Bay đánh chất hàn	- Bay được làm từ chất liệu hợp kim inox , dùng để đánh thuốc và trộn xi măng trong nha khoa . - Có thể hấp được ở nhiệt độ 134°C	Túi 1 cái	Cây	3
48	Cây đặt chỉ co nướu	- Cây nhét chỉ đầu tròn được thiết kế có các răng cưa để sử dụng nhét chỉ trong quá trình mài cùi lấy dấu , gắn răng , trám những xoang sâu dưới nướu . - Đầu được làm mỏng giúp cho việc đưa chỉ vào trong túi nướu dễ dàng , phần răng cưa nhẹ giúp không bị trượt và cắt vào phần nướu dính .	Túi 1 cái	Cây	3

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
49	Chi co nướu đủ số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được làm với cấu trúc sợi bện ( knitted retraction cord ) ổn định , dễ đặt và không quăn mũi khoan .</li> <li>- Chỉ được tẩm AlCl<sub>3</sub> giúp tăng hiệu suất co nướu và cầm máu . An toàn , không kích ứng tim mạch .</li> </ul>	Hộp	Hộp	20
50	Dung dịch Natri Hypochlorid (Javen) nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chuyên dùng nha khoa nhằm mục đích rửa và sát trùng tùy với thành phần Natri Hypochlorid và Sodium hypochlorite 3% .</li> <li>-Thành phần Natri Hypochlorid ( NaOCl ) có tác dụng làm thay đổi độ pH , làm tan các chất đạm , xà phòng hóa mỡ , làm đông tế bào . Dung dịch làm sạch sẽ và bôi trơn các thành ống tùy , loại bỏ các chất bẩn sinh ra trong tùy do quá trình bốc hơi . Khử mùi hôi do các thành phần hoại tử và độc tố .</li> </ul>	Lọ 500ml	Lọ	5
51	Kim bơm rửa ống tùy số 27G	<p>Kim bơm rửa nội nha 27G</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu kim dùng để đưa dung dịch sát khuẩn , bơm rửa vào trong ống tùy .</li> <li>- Giúp tăng hiệu quả làm sạch ống tùy , giảm thiểu tình trạng bơm rửa quá nhiều .</li> <li>- Kim 27G 0.4mm có màu vàng.</li> </ul>	Túi 100 cái	Cái	100
52	Kim bơm rửa ống tùy số 30G	<p>Kim bơm rửa nội nha 30G</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu kim dùng để đưa dung dịch sát khuẩn , bơm rửa vào trong ống tùy .</li> <li>- Giúp tăng hiệu quả làm sạch ống tùy , giảm thiểu tình trạng bơm rửa quá nhiều .</li> <li>- Kim 30G 0.3mm có màu vàng nhạt.</li> </ul>	Túi 100 cái	Cái	100
53	Cây nạo ngà	<p>Cây nạo ngà</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là dụng cụ để lấy mô ngà sâu , tùy răng và xi măng trám tạm .</li> <li>- Được thiết kế có hai đầu , một đầu hướng về bên trái , một đầu về bên phải .</li> </ul>	Cái	Cây	10



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
54	Cốc súc miệng dùng 1 lần	Cốc nhựa dùng 1 lần - Được làm từ nhựa PP , với kích thước $\Phi 65 \times H65$ với dung tích 120ml .	Sâu 50 cái	Cái	6000
55	Bộ trám xoay máy Protaper 21mm	- Trâm máy được làm từ vật liệu NiTi chất lượng cao , kết hợp với công nghệ xử lý nhiệt tạo lớp phủ Titanium Oxide độ dày 6mm giúp tăng độ dẻo cho trâm lên 24% , tăng khả năng kháng môi lên 2,6 lần và tăng hiệu quả cắt . - Chiều dài 21mm	Hộp 6 cái	Bộ	10
56	Bộ trám xoay máy Protaper 25mm	- Trâm máy được làm từ vật liệu NiTi chất lượng cao , kết hợp với công nghệ xử lý nhiệt tạo lớp phủ Titanium Oxide độ dày 6mm giúp tăng độ dẻo cho trâm lên 24% , tăng khả năng kháng môi lên 2,6 lần và tăng hiệu quả cắt . - Chiều dài 25mm	Hộp 6 cái	Bộ	10
57	Canxi hydroxid	- Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong điều trị nội nha . - Dùng để che tủy trực tiếp , gián tiếp hoặc tạo lớp cách nhiệt đối với xoang sâu ngà sâu .	Lọ 10 gam	Lọ	2
58	Bôi trơn ống tủy Glyde	- Glyde có tác dụng hoạt động như chất bôi trơn giúp giảm nguy cơ gãy dụng cụ ống tủy . Với thành phần bao gồm EDTA và Ure peroxidized dưới dạng gel . - Hỗ trợ sửa soạn ống tủy nhỏ , canxi hóa . Làm giảm sự tích tụ mùn ngà trên vách ống ngà . - Giúp rửa sạch hoàn toàn ống tủy .	Tuýp 3 ml	Tuýp	10
<b>B</b>	<b>Lô 2: Sinh phẩm y tế</b>				

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Test nhanh HIV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,75%.</li> <li>- Hàm lượng chính: Antibody Anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.</li> <li>- Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút</li> <li>- Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C</li> <li>- Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương.</li> <li>- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485.</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	5.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
2	Test nhanh HIV phát hiện sớm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy phân tích: phát hiện kháng nguyên p24 HIV-1 ở nồng độ 2 IU/mL</li> <li>- Hoạt chất chính: pTB319 antigen, pGO11 Antigen, gp41 antigen RA43, gp36 antigen RA31, subtype-O antigen RA22, p24 antibody (SD), p24 antibody 2a12-2, p24 antibody 99961.</li> <li>- Cho kết quả nhanh trong vòng 20 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 40 phút</li> <li>- Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	1.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) (<math>0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) (<math>0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}</math>); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV (<math>0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}</math>)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu thử tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.</li> <li>- Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT hiện hành</li> <li>- Được đánh giá bởi WHO, USAID, được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chính sách đảm bảo chất lượng của Quỹ toàn cầu</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu</li> </ul>	Hộp 30 test	Test	16.100

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
4	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) (<math>0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}</math>); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) (<math>0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}</math>); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV (<math>0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}</math>).</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu thử tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.</li> <li>- Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT hiện hành.</li> <li>- Được đánh giá bởi USAID, được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương.</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chính sách đảm bảo chất lượng của Quỹ toàn cầu</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	30.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
5	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 99.47\%</math>, Độ đặc hiệu: <math>\geq 99.87\%</math></li> <li>- Thành phần Kit thử: Cộg hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp.</li> <li>- Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.</li> <li>- Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	50 test/hộp	test	2.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
6	Test nhanh HBsAg	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu 99,6%; Xét nghiệm có thể phát hiện nồng độ 0.1 IU/ml. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay.</li> <li>- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại Nhật Bản.</li> <li>- Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg.</li> <li>- Hàm lượng: Anti-HBs antibody A1; Anti-HBs antibody A2, Anti-HBs antibody B1; Anti-HBs antibody B2 ; Anti-HBs antibody B3 ; Kháng thể trên thanh kiểm soát.</li> <li>- Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.</li> <li>- Chứng chỉ xét nghiệm: WHO PQ, CE IVD</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	5.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
7	Khay thử xét nghiệm định tính HbsAg	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (0.026 ±0.008 µg),</li> <li>keo vàng - IgY gà (0.032 ±0.009 µg)</li> <li>+ Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44 ±0.088 µg)</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48 ± 0.096 µg)</li> </ul> </li> <li>- Thời gian trả kết quả: 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV.</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml</li> <li>- Thử nghiệm chất gây nhiễu: 17 loại chất có khả năng gây nhiễu (Rheumatoid factor, Bilirubin, Hemoglobin, Triglycerides, Metronidazole, Mefloquine, Quinine, Primaquine, Pyrimethamine, Ritonavir, Tenofovir disoproxil fumarate, Entecavir, Isoniazid (INH), Aspirin, Paracetamol, Biotin, Caffeine) không gây nhiễu cho sản phẩm.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO</li> </ul>	Hộp 30 test	Test	41.400



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
8	Test thử xét nghiệm phát hiện kháng nguyên Hbsag	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B( HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lọ Buffer).</p> <p>Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC . Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2-40oC</p> <p>Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV</p> <p>Hàm lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kháng thể đơn dòng kháng HBs: 0,75 ± 0,15µg</li> <li>- Kháng thể đơn dòng kháng IgY gà: 0,6 ± 0,12µg</li> <li>- Kháng thể đơn dòng kháng HBs- gắn keo vàng: 0,08± 0,16µg</li> <li>- IgY gà- gắn keo vàng: 0,015 ± 0,003µg</li> </ul> <p>- Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg chủng ADR và chủng AYW từ nồng độ 0.01562 µg/ml, và chủng ADW từ nồng độ 0.03125 µg/ml</p>	Hộp 25 test	test	13.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
9	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99.3%; Độ đặc hiệu: 98.1% so với RT-PCR</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng (1,0±0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5±0,3 µg), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0±0,4 µg)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: 10µl</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO PQ</li> </ul>	Hộp 30 test	Test	15.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
10	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR)</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng (1,0±0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5±0,3 µg), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0±0,4 µg)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: 10µl</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I/II</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu - Đạt tiêu chuẩn: ISO</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	30.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
11	Test thử phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu với HCV	<p>Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 98,9%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 100%</li> </ul> <p>(Có thể cung cấp nghiên cứu chứng minh ĐẠT độ nhạy và độ đặc hiệu của hàng SD)</p> <p>Không bị ảnh hưởng bởi các hợp chất thường hiện diện trong mẫu</p> <p>Bảo quản: 2-40oC</p> <p>Nằm trong danh sách WHO PQ</p>	Hộp 25 test	test	10.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
12	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 vi rút Dengue	<p>Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột (<math>0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}</math>), Keo vàng - IgY gà (<math>0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}</math>). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>).</p> <p>Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>).</p> <p>Độ nhạy 92,4% (khoảng tin cậy 95%: 86,1 - 95,9%) và độ đặc hiệu 98,4% (khoảng tin cậy 95%: 95,5 - 99,5%) so với RT-PCR</p> <p>Đọc kết quả trong 15-20 phút.</p> <p>Không cần dung dịch pha loãng.</p> <p>4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo sau không ảnh hưởng đến kết quả test thử: Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng tháp không gây nhiễu cho sản phẩm</p> <p>Giới hạn phát hiện các serotype DENV:</p> <p>Type 1: <math>1.95 \times 10^{1.375}</math> TCID<sub>50</sub>/ml</p> <p>Type 2: <math>1.95 \times 10^{2.25}</math> TCID<sub>50</sub> /ml (910), <math>3.13 \times 10^{5.125}</math> TCID<sub>50</sub>/ml (NGC-2)</p> <p>Type 3: <math>6.25 \times 10^{6.875}</math> TCID<sub>50</sub> /ml (S#25), <math>1.56 \times 10^2</math> TCID<sub>50</sub> /ml (H87)</p> <p>Type 4: <math>1.56 \times 10^1</math> TCID<sub>50</sub> /ml (814669), <math>1.95 \times 10^{0.75}</math> TCID<sub>50</sub> /ml (480)</p> <p>Có nghiên cứu độ nhạy đối với lây nhiễm nguyên phát và lây nhiễm thứ phát</p> <p>Có nghiên cứu trên các sero-type Dengue</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Hộp 25 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
13	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue	<p>Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp đã được khảo sát không gây nhiễu cho sản phẩm.</p> <p>Độ nhạy 94,6%, Độ đặc hiệu 96,5% so với phương pháp ELISA.  Đọc kết quả trong 15-20 phút.</p> <p>1 test thử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vàng phức hợp: Keo vàng Ab kháng dengue đơn dòng chuột (0,467 ±0,014µg), keo vàng Ab chuột (0,002±0,001µg)</li> <li>- Vạch thử "G": IgG kháng người đơn dòng chuột (0,512±0,154µg)</li> <li>- Vạch thử "M": IgM kháng người đơn dòng chuột (0,32 ± 0,10 µg)</li> <li>- Vạch chứng: IgG dê kháng chuột (0,576±0,173 µg).</li> </ul> <p>Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.  Giới hạn phát hiện ở nồng độ pha loãng 256 lần mẫu huyết thanh có kháng thể IgG kháng Dengue  Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS EU</p>	Hộp 25 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
14	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 vi rút Dengue, kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue	<p>Xét nghiệm Dengue DUO là 1 xét nghiệm miễn dịch sắc ký dùng để phát hiện phân biệt cả hai virus kháng thể Dengue NS1 và kháng thể IgG và IgM kháng virus Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>NS1: Độ nhạy 92,4% và độ đặc hiệu 98,4% so với RT-PCR.  IgG/IgM: Độ nhạy 94,2%, Độ đặc hiệu 96,4% so với phương pháp ELISA</p> <p>Thành thử Dengue NS1 Ag:  - Phức hợp vàng: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab (<math>0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}</math>), chất keo vàng IgY từ gà (<math>0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}</math>), vạch thử: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue NS1 Ab (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>), vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (<math>0,64 \pm 0,20 \mu\text{g}</math>)</p> <p>Thành thử Dengue IgG/IgM  - Phức hợp vàng: Kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue Ab - chất keo vàng (<math>0,467 \pm 0,014 \mu\text{g}</math>), Kháng thể chuột kháng Ab - chất keo vàng (<math>0,002 \pm 0,001 \mu\text{g}</math>), vạch thử G: Kháng thể chuột đơn dòng kháng người IgG (<math>0,512 \pm 0,154 \mu\text{g}</math>), vạch thử M: Kháng thể chuột đơn dòng kháng người IgM (<math>0,32 \pm 0,10 \mu\text{g}</math>), vạch chứng: IgG dê kháng chuột (<math>0,576 \pm 0,173 \mu\text{g}</math>)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dung dịch pha loãng bao gồm: 100mM dung dịch đệm phosphate (q.s.), natri azua(0,01 w/v%)</li> <li>Tuổi thọ và nhiệt độ bảo quản: 24 tháng ở 1-30oC.</li> </ul> <p>Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên cả nhóm bệnh nhân nhiễm nguyên phát và nhiễm thứ phát.  Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên các sub-type DENV  Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Hộp 10 test	Test	2.800

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
15	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1, kháng thể IgM, IgG của vi rút Dengue	<p>Phát hiện định tính và phân biệt kháng nguyên Dengue NS1 và các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút Dengue trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy tương quan: 92,42 % (đối với Dengue NS1) so với RT-PCR, 97.5 % (đối với Dengue IgM); 97.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: 98.7% (đối với Dengue NS1) so với RT_PCR; 96.6% (đối với Dengue IgM); 96.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA</li> </ul> <p>Bảo quản: 2-40oC</p> <p>Không xảy ra phản ứng chéo với các chủng sau: Chikungunya vi rút, Zika vi rút, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes, Legionella pneumophila, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1), Influenza A (H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella (Typhi), Rotavirus typ I, Rotavirus typ II, Rotavirus typ III, Rotavirus typ IV, mẫu dương tính kháng nguyên HBV, Mẫu dương tính với CMV Ab, mẫu từ người đã tiêm phòng vaccin vi rút sốt vàng, Vi rút viêm não Nhật Bản, vi rút HAV, Rubella vi rút</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới hạn phát hiện: 3,9ug/ml với Dengue IgM / IgG; 3,9 ng/ml đối với Dengue 1, 2, 3, 4</li> </ul>	Hộp 10 test	test	1.000



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
16	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM, IgG kháng Dengue	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 97.3\%</math>, Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.3\%</math></li> <li>- Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 96.9\%</math>, Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 98.9\%</math></li> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên vô dengue tái tổ hợp (cộng hợp dengue) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát.</li> <li>2. Một màng nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch G và vạch M) và một vạch chứng (C). Vạch G phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút dengue, vạch M phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút dengue và vạch chứng C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.</li> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori...</li> <li>- Bảo quản nhiệt độ thường</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại C</li> </ul>	Hộp 30 Test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
17	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue NS1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag( Ns1)</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml</li> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%.</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.6\%</math>,</li> <li>- Độ chính xác tương quan: <math>\geq 99,7\%</math></li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một cộng hợp kháng thể để kiểm chứng.</li> <li>2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB....</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại C</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	30 Test/Hộp	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
18	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue và kháng thể IgM, IgG kháng Dengue.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và/ hoặc IgG kháng Dengue và kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/mL (Vạch Ag)</li> <li>- Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 97.3\%</math>, Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.3\%</math></li> <li>Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 96.9\%</math>, Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 98.9\%</math></li> <li>Vạch NS1: Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99.6\%</math></li> <li>- Test bên trái( Dengue IgG/IgM)</li> <li>+ Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng nguyên Dengue, cộng hợp vàng kháng thể IgY-gà</li> <li>+ Vạch kết quả G: Kháng thể chuột kháng IgG- người</li> <li>+ Vạch kết quả M: Kháng thể chuột kháng IgM- người</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY- gà</li> <li>+ Vùng cộng hợp: Cộng hợp vàng kháng thể kháng Dengue NS1, Cộng hợp vàng kháng thể IgY-gà</li> <li>+ Vạch kết quả: Kháng thể chuột kháng Dengue NS1</li> <li>+ Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgY-gà</li> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori...</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	Hộp 30 test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
19	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	<p>Test thử Bioline™ HAV IgG/IgM được thiết kế để đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người. Test thử Bioline™ HAV IgG/IgM có 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: “G” (vạch thử HAV IgG), “M” (vạch thử HAV IgM) và “C” (vạch chứng).</p> <p>1 test thử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút viêm gan A - keo vàng (1,0±0,2 µg)</li> <li>- Vạch thử “G”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người (0,640 ± 0,128 µg)</li> <li>- Vạch thử “M”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người (0,224 ± 0,045 µg)</li> <li>- Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,640±0,128 µg)</li> <li>- Kháng nguyên: Kháng nguyên vi rút viêm gan A tái tổ hợp (1,5±0,3 µg)</li> <li>• Dung dịch pha loãng bao gồm: 100mM dung dịch đệm phosphate (5 ml), Tween 20 (0,1 v/v%), natri azua (0,01 w/v%)</li> </ul> <p>- Test thử Bioline™ HAV IgG/IgM là xét nghiệm sắc ký miễn dịch pha rắn để phát hiện nhanh, định tính và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 97.6% khác biệt so với HAV IgM thương mại là 83.2% và độ đặc hiệu là 98% khác biệt so với IgM thương mại là 87.3%.</li> <li>- Thể tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút</li> </ul>	Hộp 25 test	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
20	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG/IgM kháng HAV	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng HAV</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> </ul> <p>Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 100% , Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 98\%</math>  Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 94,8\%</math> , Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 96,7\%</math></p> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HAV (cộng hợp HAV) và một cộng hợp kháng thể kiểm chứng.</li> <li>2. Một màng nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch G và M) và một vạch chứng (C). Vạch G được phủ sẵn kháng thể chuột kháng IgG-người (mouse anti-human IgG) để phát hiện kháng thể IgG kháng HAV, vạch M được phủ sẵn kháng thể chuột kháng IgM-người (mouse anti-human IgM) để phát hiện kháng thể IgM kháng HAV và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường</li> </ul>	30 Test/Hộp	test	200
21	Test thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	<p>phát hiện định tính kháng thể IgM kháng HAV hiện diện trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 98,04%</li> </ul> <p>Bảo quản: 2-40oC  Kit thử ổn định 3 tháng ở nhiệt độ 60±1oC  Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất</p>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên H.Pylori	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy 98,4%; Độ đặc hiệu 100% so với Phương pháp xét nghiệm chức năng hô hấp &amp; xét nghiệm CLO.</li> <li>- Thành phần chính: Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng kháng Helicobacter pylori từ chuột-chất keo vàng (0,120±0,024 µg), kháng thể đa dòng kháng LDH từ thỏ-chất keo vàng (0,0130±0,0026 µg); Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng Helicobacter pylori từ chuột (0,640±0,128 µg); Vạch chứng: LDH tái tổ hợp (0,640±0,128 µg)</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 2.24 CFU/ml</li> <li>- Không có phản ứng chéo với E. coli, Rotavirus, Chlamydia trachomatis, Salmonella choleraesius, Hemophilus influenzae, Group B Streptococcus, Group C Streptococcus, Staphylococcus aureus</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Hộp 20 test	Test	300
23	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên H.pylori	<p>phát hiện định tính kháng nguyên H.pylori hiện diện trong mẫu phân người.</p> <p>không xảy ra phản ứng chéo với các vi sinh vật thường gây bệnh đường ruột sau:</p> <p><i>Rotavirus, Adenovirus, Salmonella typhi, C.dificile, Basillus cereus, Citrobacter freundii, Vibrio parahaemolyticus, Escherichia coli (k99), Norovirus.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 98.5%; độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 9 tháng ở nhiệt độ 55±1°C</li> </ul>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
24	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H.Pylori	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích mẫu sử dụng là 10 µl.</li> <li>- Độ nhạy 95,9%; Độ đặc hiệu 89,6%.</li> <li>- Thành phần chính: Phức hợp vàng: Keo vàng kháng nguyên Helicobacter pylori (1,0±0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên Helicobacter pylori (0,430±0,086 µg), Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng Helicobacter pylori (0,65±0,13 µg) . Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm Tris-HCl 50 mM (4 ml), Natri azua (q.s.)</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: ở nồng độ pha loãng 320 lần của huyết thanh dương tính với HP</li> <li>- Hộp 30 test</li> </ul>	Hộp 30 test	Test	300
25	Test thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H.pylori	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu với H.pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 98.9%</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 10 U/ml</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 9 tháng ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Bảo quản: 2-40oC</li> </ul>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
26	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H. pylori	<p>Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 86,7\%</math>; Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 91\%</math></li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori bao gồm cộng hợp vàng Cag-A (cộng hợp H. pylori) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát.</li> <li>2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori không cộng hợp và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	30 Test/Hộp	test	200



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên H. pylori	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 96.7\%</math></li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 93.8\%</math></li> </ul> <p>Khay bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể kháng H. pylori (cộng hợp kháng H. pylori).</li> <li>2) màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể kháng H. pylori và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Rotavirus, Adenovirus, Salmonella typhi...</li> <li>- Bảo quản nhiệt độ thường</li> </ul>	25 Test/Hộp	test	200
28	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus nhóm A và Adenovirus	<p>Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Rotavirus nhóm A và Adenovirus trong mẫu phân người,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thể hiện thành dải rõ ràng</li> </ul> <p>Độ nhạy: Rotavirus 99.3% ,Adenovirus 97% so với RT-PCR  Độ đặc hiệu: Rotavirus 99,5% ,Adenovirus 100%.so với RT-PCR</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ <math>55\pm 1^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Không có phản ứng chéo với Bovine Serum Albumin; E. coli; Enterococcus faecalis; Poliovirus; Adenovirus</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>	Hộp 20 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
29	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút Rôta nhóm A	<p>Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 98.3% và tương quan là 96.9% với RT-PCR.</li> <li>- 1 test thử bao gồm; Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút Rota -chất keo vàng (<math>1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}</math>), vạch thử: Kháng thể thô kháng vi rút Rota (<math>1,260 \pm 0,252 \mu\text{g}</math>), vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (<math>0,720 \pm 0,014 \mu\text{g}</math>)</li> <li>• Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm photphat (20 mM), Albumin huyết thanh bò (1%), Natri azua (0,01%), Natri clorua (0,1 M), Tween 20 (0,1%)</li> <li>- Không có phản ứng chéo với Bovine Serum Albumin; E. coli; Enterococcus faecalis; Poliovirus; Adenovirus</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: <math>3.9 \times 10^2.0</math> TCID<sub>50</sub>/ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</li> </ul>	Hộp 20 test	Test	500
30	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng nguyên Rotavirus nhóm A trong mẫu phân của người.</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% so với PCR và ELISA</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 9 tháng ở nhiệt độ <math>55 \pm 1^\circ\text{C}</math></li> <li>- Giới hạn phát hiện Rotavirus nhóm A xấp xỉ <math>2 \times 10^6 \sim 1.15 \times 10^6</math> PFU/ml</li> <li>- Không phản ứng chéo với E.coli, Adenovirus, Salmonella, E.pneumoniae, Clostridium cificile, Shigella, Norovirus</li> <li>- Không tương tác với: Bilirubin, Hemoglobin, Triglyceride, Cholesterol, BSA, Mucin, máu toàn phần</li> </ul>	Hộp 25 test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
31	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus, Adenovirus	<p>xét nghiệm miễn dịch nhanh, định tính để phát hiện kháng nguyên Rotavirus và kháng nguyên Adenovirus trong mẫu phân của người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Rotavirus: Độ nhạy 100% (95%CI: 96.34 -100.00%); Độ đặc hiệu 96.75% (95%CI: 92.59-98.94%) so với PCR và ELISA; Giới hạn phát hiện Xấp xỉ <math>2.3 \times 10^6 \sim 1.15 \times 10^6</math> PFU/ml</li> <li>- Đối với Adenovirus: Độ nhạy 97.89% (95%CI: 92.60-99.74%); Độ đặc hiệu 99.25% (95%CI: 95.91-99.98%) so với PCR và ELISA; Giới hạn phát hiện Xấp xỉ <math>2.34 \times 10^4 \sim 1.17 \times 10^4</math> PFU/ml</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 9 tháng ở nhiệt độ <math>55 \pm 1^\circ\text{C}</math></li> <li>- Không phản ứng chéo với các tác nhân thường gây bệnh đường hô hấp (S.pneumoniae, Influenza A (H1N1, H3N2), influenza B); bệnh do véc tơ truyền (Chikungunya, Zika); Bệnh đường tiêu hóa (E.coli, Samonella B/C/D/typhi, Clostridium difficile,....)</li> </ul>	Hộp 25 test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	<p>Test chẩn đoán nhanh cúm A, B; Độ nhạy; 91.8%, Độ đặc hiệu: 99% Tỷ lệ tương quan so với với nuôi cấy vi rút và/hoặc RT-PCR là 96.6 %.</p> <p>Sản phẩm không có phản ứng chéo với 17 chủng vi khuẩn và 15 chủng virus gồm Adenovirus type 3, type 6, type 21, CMV, Echovirus 2, Echovirus 5, Echovirus 11, HSV-1 Ag, HSV-2 Ag, Mumps Virus Ag, Parainfluenza 1 Strain Sentai, Parainfluenza type 2 antigen, Parainfluenza type 3 antigen, RSV- A2 Stain, RSV- long strain.</p> <p>• 1 thanh thử gồm: CỘNG HỢP VÀNG A : Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A - keo vàng (0,11±0,02µg), CỘNG HỢP VÀNG B : Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B - keo vàng (0,06±0,01µg), VẠCH THỬ “A” (thành phần chính): kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A, VẠCH THỬ “B” : kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B, VẠCH CHỨNG: kháng thể dê kháng immunoglobulin chuột (0,7±0,14µg).</p> <p>Giới hạn phát hiện trên chủng cúm chuẩn ATCC: cúm A(H1N1) ở nồng độ pha loãng 640 lần  , cúm A(H3N2) ở nồng độ pha loãng 1280 lần, cúm B ở nồng độ pha loãng 2560 lần</p> <p>Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính</p> <p>Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</p>	Hộp 25 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
33	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B và Influenza A (H1N1)	<p>Phát hiện và phân biệt các kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: cúm A (100%), cúm B (84,8%), H1N1 (77%), độ đặc hiệu: cúm A (100%), cúm B (100%), H1N1 (99,8%) so với RT-PCR.</li> <li>- Không có phản ứng chéo với 17 loài vi khuẩn, 15 loài virus và 27 loài virus cúm phụ khác như E. Coli, E. faecalis, M. tuberculosis, S. pneumoniae, Adenovirus type 3,6, 21, Parainfluenza type 2, type 3Antigen, RSV A2 Strain/Long Strain.</li> <li>- Thành phần: Vạch thử “A (H1N1)”: Hemagglutinin kháng thể chuột đơn dòng kháng A (H1N1) (1,068± 0,214µg)</li> <li>• Vạch thử “A”: Kháng thể chuột đơn dòng kháng vi rút cúm A (1,068±0,214µg)</li> <li>• Vạch thử “B”: Kháng thể chuột đơn dòng kháng vi rút cúm B (0,712±0,142µg)</li> <li>• Vùng chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0,534±0,107µg)</li> <li>- Dạng que. Đọc kết quả 10-15 phút</li> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.</li> <li>- Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>	Hộp 25 test	Test	1.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
34	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút cúm A, cúm B	<p>Phát hiện nhiễm cúm từ mẫu tăm bông mũi, tăm bông ty hầu hoặc mẫu hút/rửa dịch ty hầu, xác định sự tồn tại của vi rút cúm týp A và týp B.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy lâm sàng: 97.44% với cúm typ A; 90.63% với cúm typ B so với PCR</li> <li>- Độ đặc hiệu lâm sàng: 100.00% với cúm typ A; 98.82% với cúm typ B so với PCR</li> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 13 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Không phản ứng chéo với: Coronavirus, Parainfluenza virus, Echovirus, Enterovirus, Rhinovirus, RSV.</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 2.50 x 10<sup>3</sup> TCID50/mL với Cúm A (H1N1), 1.55 x 10<sup>3</sup> TCID50/mL với Cúm A (H3N2); 1.30 x 10<sup>3</sup> TCID50/mL với Cúm B (Đài Loan).</li> </ul>	Hộp 25 test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
35	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện virus cúm A và/hoặc cúm B trong dịch mũi</li> <li>- Mẫu phẩm: Mẫu phết dịch mũi</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Độ nhạy cúm A: <math>\geq 92.56\%</math> ; Độ đặc hiệu cúm A: <math>\geq 97.97\%</math></li> <li>- Độ nhạy cúm B: <math>\geq 93.28\%</math> ; Độ đặc hiệu cúm B: <math>\geq 97.76\%</math></li> <li>- Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C</li> <li>- Không phản ứng chéo với 88 loại vi khuẩn và vi-rút phân lập ở nồng độ nhất định như :Acinetobacter calcoaceticus Bordetella pertussis</li> <li>Candida albicans Corynebacterium diptheriae, Adenovirus Type 1</li> <li>Adenovirus Type 3 Adenovirus Type 6</li> <li>Echovirus 6 Echovirus 11 (Gregory)</li> <li>Echovirus 30 Measles Mumps (Enders strain)</li> <li>Parainfluenza Type 1 Parainfluenza Type 3</li> <li>Parainfluenza Type 4B Rhinovirus 3</li> <li>Rhinovirus 7 RSV ..</li> <li>- Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab1) (0,16 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab1) (0,16 µg);</li> <li>- Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab2) (0,2 µg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab2) (0,2 µg);</li> <li>- Vạch chứng: Kháng thể dẻ kháng IgG chuột (0,88 µg)</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	20 test/hộp	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
36	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	<ul style="list-style-type: none"> <li>'- Định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A (gồm H5N1 và H1N1) và B trong mẫu dịch mũi/ dịch họng/ dịch tỵ hầu/ dịch hút rửa mũi và tỵ hầu của người nguyên vi rút cúm A/B</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu, dịch rửa mũi và tỵ hầu</li> <li>- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B</li> <li>- Vạch T1: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 86,8\%</math> , Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 94\%</math></li> <li>- Vạch T2: Độ nhạy tương quan: <math>\geq 91,7\%</math> , Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 97,5\%</math></li> <li>- Thành phần Test thử: CỘNG HỢP VÀNG KHÁNG THỂ KHÁNG VIRUT CÚM A cộng hợp vàng kháng thể kháng virut cúm B</li> <li>- Vạch T1 kháng thể kháng kháng nguyên virut cúm A</li> <li>- Vạch T2 kháng thể kháng kháng nguyên virut cúm B</li> <li>- Vạch chứng kháng thể đề kháng IgG chuột</li> <li>- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Adenovirus, HSV-1...</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại C</li> </ul>	Hộp 25 test	test	500
37	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B và cúm (H1N1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện và phân biệt các kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi/họng/hầu họng hoặc mẫu dịch hút từ mũi/hầu họng.</li> <li>- Độ nhạy tương đối <math>\geq 85\%</math></li> <li>- Độ đặc hiệu tương đối <math>\geq 90\%</math></li> <li>- Độ chính xác tương đối <math>\geq 90\%</math>.</li> <li>- Nhà sản xuất Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485: 2016</li> </ul>	Hộp 25 test	test	500



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
38	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Norovirus GI/GII	<p>Phát hiện định tính sự có mặt của các kháng nguyên Norovirus Genogroup I (GI) và Genogroup II (GII) trong mẫu phân người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngưỡng phát hiện: 0,156 µg/ml đối với GI-1 VLP; 0,156 µg/ml đối với GII-3 VLP; 0,039 µg/ml đối với GII-4 VLP và 0,156 µg/ml đối với những mẫu phân dương tính với Norovirus GII-4.</li> <li>- Độ nhạy: 84,1% , độ đặc hiệu: 96,1% so với RT-PCR.</li> <li>- Không phải ứng chéo với Astrovirus, Adenovirus, B5, Corona virus, Cowpoxvirus, Cocksackievirus, Cytomegalovirus, Echovirus, Eptein-Barr-virus, Enteric Adenovirus 40, Enteric Adenovirus 41, Foamyvirus, Herpes simplex virus, Influenza A(H1N1), Influenza A(H3N2), Influenza B, Measles virus, Mumps virus, Parainfluenza virus, Polio virus, Rotavirus, Respiratory syncytial virus, Sendai virus, Small round structured virus, Escherichia coli, Clostridium Difficile, Chlamydia pneumoniae, Legionella pneumophila, Listeria monocytogene, Mycobacterium tuberculosis, Salmonella Enteritidis, Salmonella typhimurium, Streptococcus pneumoniae, Vibrio Cholerae, Cryptosporidium parvum, Giardia lamblia, Candida Pseudotropicalis, Microsporium candidis, Trichuris trichura.</li> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Hộp 20 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
39	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	<p>Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp (RSV) từ mẫu hút dịch ty hầu (NPA). Không khuyến cáo sử dụng tăm bông lấy mẫu;</p> <p>Độ nhạy: 92.3%, Độ đặc hiệu: 93.3% so với phương pháp nuôi cấy và miễn dịch huỳnh quang.</p> <p>Dạng que. Đọc kết quả 10-15 phút</p> <p>Các thành phần chính của xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 thanh xét nghiệm bao gồm: Cộng hợp vàng: cộng hợp vàng- kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV (0.17±0,03µg); vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV (0.4±0,08µg); vạch chứng: IgG dê kháng chuột (0.8±0,16µg).</li> <li>• Dung môi tách chiết: Tricine (0,4M), NaCl (vừa đủ), TritonX-100 (vừa đủ), Natri azit (0,02%).</li> </ul> <p>Giới hạn phát hiện: 0,41 µg/ml Virus hợp bào hô hấp.Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</p>	Hộp 25 test	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
40	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút hợp bào hô hấp (RSV)	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên RSV có trong tăm bông ty hầu hoặc dịch rửa / dịch hút ty hầu từ bệnh nhân có triệu chứng nhiễm trùng đường hô hấp do vi rút.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 92.45%; Độ đặc hiệu: 98.44% so với RT-PCR</li> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 13 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 1.78 x 10<sup>4</sup> TCID50/ml đối với RSV A, 1.35 x 10<sup>3</sup> TCID50/ml với RSV B.</li> </ul> <p>- Influenza A H1N1, Influenza A H3N2, Influenza B, Coronavirus, Parainfluenza 1/2/3/4, Echovirus 6, Enterovirus 70, Enterovirus 71, Rhinovirus, Adenovirus, E.coli, Haemophilus influenzae, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila, Neisseria meningitidis, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Staphylococcus pneumoniae, Staphylococcus pyogenes không gây phản ứng chéo.</p> <p>Bảo quản: 2-40oC</p>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
41	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Streptococcal nhóm A	<p>Bioline™ Strep A là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký để phát hiện định tính các kháng nguyên GAS trong mẫu phết họng hoặc xác nhận các cụm khuẩn GAS giả định được thu lại từ môi trường nuôi cấy. Xét nghiệm phát hiện cả sinh vật sống được và sinh vật không sống được trong mẫu phết họng và cụm khuẩn nuôi cấy trong vòng 5-10 phút. Test thử Bioline™ Strep A được cố định bằng kháng thể kháng Streptococcus nhóm A từ dê và các kháng thể được lựa chọn đặc biệt được sử dụng làm vật liệu phát hiện.</p> <p>Độ nhạy: 87,3 %, Độ đặc hiệu: 95,8 % Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Hộp 25 test	Test	500
42	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Strep A	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên liên cầu khuẩn nhóm A (Strep A) hiện diện trong mẫu dịch họng của các bệnh nhân có triệu chứng lâm sàng.</p> <p>- Độ nhạy: 98.20%; Độ đặc hiệu: 99.26%</p>	Hộp 25 test	test	500
43	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Mycobacterium tuberculosis	<p>Phát hiện nhanh phân biệt phức hợp M. tuberculosis và Mycobacterium khác</p> <p>- Thành phần: Vạch thử : Kháng thể đơn dòng chuột kháng MPT64 (0,320±0,064 µg), Vạch chứng: kháng thể dê kháng immunoglobulin G chuột (0,640±0,128 µg)</p> <p>- Giới hạn phát hiện: 6.90 X 10<sup>4</sup> CFU/ml</p> <p>- Độ nhạy: 98.6%, Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>- Thời gian trả kết quả: 15 phút</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <p>- Không có phản ứng chéo với 152 vi khuẩn và 57 nhóm vi khuẩn mycobacteria không phải lao (NTM)</p> <p>- Kít thử ổn định ít nhất 6 tháng khi để ở nhiệt độ 45±1°C</p>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
44	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện sự có mặt của máu ẩn trong phân của người.	<p>Định tính phát hiện sự có mặt của máu ẩn trong phân của người. Thành phần IgG chuột kháng Hb-7204 0.37μg IgG chuột 0.12μg, IgG chuột kháng Hb-7202 0.64μg, IgG dê kháng chuột 0.48μg.</p> <p>Độ nhạy tương quan: 93.6% (89.6%-96.5%) Độ đặc hiệu tương quan: 99.1% (98.2%-99.6%) Độ chính xác: 98.0% (96.9%-98.7%)</p> <p>Ngưỡng phát hiện 50 ng/mL</p> <p>Đọc kết quả trong vòng 5 phút. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO</p>	Hộp 25 test	test	200
45	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên Phế cầu khuẩn (S. pneumoniae)	<p>Phát hiện kháng nguyên Phế cầu khuẩn (S. pneumoniae) trong nước tiểu của các bệnh nhân bị viêm phổi và trong dịch tủy não (CSF) ở các bệnh nhân bị viêm màng não.</p> <p>Mẫu nước tiểu: Độ nhạy 86%/ Độ đặc hiệu 94%</p> <p>CSF: Độ nhạy 97% / Độ đặc hiệu 99%</p> <p>Thời gian đọc kết quả: 15 phút.</p> <p>Chứng nhận FDA</p>	Hộp 22 test	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
46	STANDARD™ Q Syphilis Ab Test	<p>xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu 99.1% so với TPHA</li> <li>- Không xảy ra phản ứng chéo với các tác nhân gây bệnh thường gặp sau: Huyết tương dương tính với: Dengue IgG/IgM, HBV, Chikungunya IgG, Chikungunya IgM, Zika IgG, Zika IgM, HIV-1, HCV</li> <li>- Không xảy ra tương tác với các hợp chất: EDTA, Heparin, Natri citrat, Hemoglobin, Albumin người, Bilirubin, Ribavirin, Doxycyclin hydrat, Aspirin, Ciprofloxacin, Quinin, Ibuprofen, Acetaminophen.</li> </ul> <p>Bảo quản: 2-40oC</p>	Hộp 25 test	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
47	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên nucleocapsid đặc hiệu đối với SARS-CoV-2	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên nucleocapsid đặc hiệu đối với SARS-CoV-2 trong mẫu tăm bông ty hầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thành phần chính: vạch thử: kháng thể đơn dòng chuột kháng SARS-CoV-2, vạch chứng: kháng thể đơn dòng chuột kháng IgY gà; Đệm liên hợp: cộng gộp vàng-kháng thể đơn dòng chuột kháng SARS-CoV-2;</li> <li>- Bảo quản: 2-40 độ C</li> <li>- Giới hạn phát hiện: 3.12x10<sup>2.2</sup> TCID50/ml đối với mẫu tăm bông ty hầu lấy trực tiếp; 5x10<sup>3.2</sup> TCID50/ml đối với mẫu tăm bông ty hầu trong môi trường bảo quản</li> <li>- Độ nhạy: 84.97% (130/153, 95%CI 78.3-90.23%) so với RT-PCR</li> <li>- Độ đặc hiệu: 98.94% (1490/1506, 95%CI 98.28-99.39%) so với RT-PCR</li> <li>- Khay xét nghiệm được đóng gói trong từng túi riêng lẻ có gói hút ẩm. Bộ kit cung cấp bao gồm khay xét nghiệm, ống đệm chiết, nắp lọc, tăm bông lấy mẫu.</li> <li>- Không phản ứng chéo với: SARS-Coronavirus, MERS-Coronavirus, Human Coronavirus, Influenza A, Influenza B, Virus hợp bào đường hô hấp, Human Metapneumovirus (hMPV), Parainfluenza, Rhinovirus, Enterovirus, Mycobacterium tuberculosis, Adenovirus, Virus suy giảm miễn dịch ở người lysate, Haemophilus influenzae, Mycoplasma pneumoniae, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes,.....</li> <li>- Không phản ứng với chất gây nhiễu ngoại sinh như: các thuốc có liên quan, thuốc chống viêm, kháng sinh, các chất nhỏ hoặc xịt mũi, thuốc giảm dị ứng vi lượng đồng căn, thuốc mê đường uống, thuốc ngậm trị viêm họng, thuốc khác (biotin,...)</li> <li>- Không phản ứng với các chất gây nhiễu nội sinh như: kháng thể người kháng chuột, các yếu tố dạng thấp, máu toàn phần người chứa EDTA chống đông, Albumin huyết thanh người</li> </ul>	Hộp 25 test	test	5.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
48	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện kháng nguyên RSV</li> <li>- Mẫu phẩm: Dịch mũi/dịch họng/dịch rửa mũi</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>Khay thử bao gồm:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng Protein RSV F liên hợp với keo vàng (cộng hợp kháng thể).</li> <li>2. Màngnitrocellulose có chứa vạch kết quả(vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng RSV và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng.</li> </ol> </li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 96.3\%</math></li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 97.9\%</math></li> <li>- Độ chính xác tương quan: <math>\geq 97.3\%</math></li> <li>- Ngưỡng phát hiện: chủng RSV tuýp A là <math>1.07 \times 10^4</math> TCID<sub>50</sub>/mL và tuýp B là <math>1.2 \times 10^4</math> TCID<sub>50</sub>/mL</li> <li>- Không phản ứng chéo với fluenza type A &amp; type B, Rotavirus Antigen rotavirus, Chlamydia trachomatis,...</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại C</li> </ul>	20 Test/Hộp	test	500



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
49	Que thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên Virus Rota	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 97,2\%</math></li> </ul> Khay bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota (cộng hợp kháng vi rút Rota) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát .</li> <li>2. Vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể để kiểm chứng.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản nhiệt độ thường</li> </ul>	25 Test/Hộp	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
50	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Rotavirus và Adenovirus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính kháng nguyên Rotavirus và Adenovirus</li> <li>- Mẫu phẩm: Mẫu phân của người</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>Thành phần test thử:               <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota với hạt vàng (cộng hợp kháng vi rút Rota) và cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Adeno với hạt vàng (cộng hợp kháng virút Adeno).</li> <li>2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch R và vạch A) và một vạch chứng (vạch C). Vạch R phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Rota, vạch A phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Adeno và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể để kiểm chứng.</li> </ol> </li> <li>- Độ nhạy tương quan: 100%</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 97.2\%</math></li> <li>- Độ chính xác tương quan: <math>\geq 98.1\%</math></li> <li>- Không phản ứng chéo với : Thương hàn, virus rota, virus adeno, bệnh tả, thương hàn,...</li> </ul>	25 Test/Hộp	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
51	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 92,31\%</math> ; Độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 24 giờ</li> <li>- Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương</li> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần: 50uL</li> <li>- Nhiệt độ bảo quản: 2 – 30 °C</li> <li>- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485.</li> </ul>	Hộp 100 test	test	200
52	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng thể kháng syphilis.	<p>Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại D</li> <li>- Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100%</li> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng nguyên TP K011B (0,16 µg)</li> <li>- Vạch kết quả Kháng nguyên TP K011A (0,2 µg);</li> <li>- Vạch chứng: Kháng thể thô kháng TP (0,88 µg)</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	50 test/ hộp	test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
53	Que thử xét nghiệm định tính Chlamydia trachomatis	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên Chlamydia trachomatis.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới</li> <li>- Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: <math>5 \times 10^4</math> IFU/ml</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 93,58\%</math> ; Độ đặc hiệu: <math>\geq 99,08\%</math></li> </ul> <p>Thành phần kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 <math>\mu</math>g/ml;</li> <li>2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml;</li> <li>3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....</li> </ul>	25 Test/hộp	test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
54	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Enterovirus 71	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong ( huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần.</li> <li>-Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C</li> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 96.8\%</math> ; Độ đặc hiệu: <math>\geq 99.4\%</math></li> </ul> <p>Thành phần Kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 <math>\mu\text{g/ml}</math>;</li> <li>2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0.175 mg/ml;</li> <li>3. Kháng thể kháng chuỗi <math>\mu</math>-IgM người (Anti-human IgM <math>\mu</math>-chain antibody): 1.5 mg/ml</li> <li>4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG</li> </ul>	25 Test/hộp	test	500
55	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HEV</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 98,1\%</math>; Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 99,2\%</math></li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV (cộng hợp HEV) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát.</li> <li>2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM-người và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kit thử bảo quản nhiệt độ thường</li> </ul>	30 Test/Hộp	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
56	Que thử xét nghiệm định tính OPI/Morphine	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Nước tiểu</li> <li>- Phát hiện OPI/Morphine</li> <li>- Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 %</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	50 test/hộp	Test	500
57	Que thử xét nghiệm định tính Methamphetamine	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện Methamphetamine</li> <li>- Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 %</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: 500 ng/mL</li> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	50 test/hộp	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
58	Panel thử xét nghiệm định tính Methylenedioxyamphetamine, Methamphetamine, Opiates (Morphine), Marijuana trong nước tiểu (Panel thử phát hiện MDMA/MET/OPI/THC trong nước tiểu)	<p>Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người.</p> <p>-Đạt tiêu chuẩn ISO13485, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</p> <p>- Ngưỡng phát hiện (cut-off),  MDMA: 500 ng/ml; MET: 500 ng/ml; OPIATES Morphin): 300 ng/ml; THC: 50 ng/ml</p> <p>- Độ nhạy: MDMA: 100%; MET: 100%; OPIATES: 100%; THC:≥ 99,12%</p> <p>- Độ đặc hiệu: MDMA: 100% ; MET: 100% ; OPIATES: 100%; THC:≥ 99,53%</p> <p>- Thời gian đọc kết quả trong vòng 3-8 phút, không đọc kết quả sau 8 phút.</p> <p>- Các chất dương tính với One step Multi-Drug Screening Test:  MDMA(MDA): 2000 ng/ml ; MDMA(MDEA): 1000 ng/ml ;</p> <p>- Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm:  Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl).</p>	20 test/hộp	Test	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
59	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM, IgG kháng Mycobacterium tuberculosis	<p>Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium Tuberculosis (M.TB).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 87.2\%</math>,</li> <li>- Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 94.6\%</math></li> <li>- Độ chính xác tương quan: <math>\geq 93.2\%</math></li> <li>- Khay thử bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp (M. TB conjugates) và cộng hợp kháng thể kiểm chứng.</li> <li>2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose có chứa 2 vạch thử (vạch M và vạch G) và một vạch chứng (C).</li> </ol> </li> <li>- Vạch M phủ sẵn kháng thể IgM kháng người (anti-human) để phát hiện kháng thể IgM kháng M. TB</li> <li>- Vạch G phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M. TB</li> <li>- Vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng.</li> <li>- Không phản ứng chéo: CMV, Sốt rét, HCV, HIV, Giang mai, ANA, HAMA, RF (lên tới 2500 IU/mL)</li> <li>- Bảo quản nhiệt độ thường</li> <li>- Phân loại trang TBYT loại C</li> </ul>	30 Test/Hộp	Test	200



STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
60	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Malaria Pf/Pv	<p>Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng virus gây bệnh sốt rét Malaria dạng Pf/Pv</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt chứng chỉ ISO13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</li> <li>- Mẫu thử, máu toàn phần</li> <li>- Phát hiện Pf: Độ nhạy: ≥ 92.4%; Độ đặc hiệu: ≥ 98.8%</li> <li>- Phát hiện Pv: Độ nhạy: ≥ 90.5%; Độ đặc hiệu: ≥ 98.7%</li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể chuột kháng Pv-LDH (cộng hợp Pv-LDH-vàng) và cộng hợp kháng thể chuột kháng pHRP-II (cộng hợp pHRP-II-vàng) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát-vàng,</li> <li>2) Màng nitrocellulose gồm hai vạch kết quả (vạch Pv, Pf) và một vạch chứng (vạch C). Vạch kết quả Pv phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng Pv-LDH để phát hiện kháng nguyên Pv, vạch kết quả Pf phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng pHRP-II để phát hiện nhiễm Pf và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể kiểm soát- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Dengue, HBsAg, HCV, HAV, HIV, Syphilis, TB, H.pylori...</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản nhiệt độ thường</li> </ul>	30 Test/Hộp	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
61	Que thử xét nghiệm định tính phát hiện máu ẩn trong phân người	<p>Định tính phát hiện máu ẩn trong mẫu phân của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử phân người</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngưỡng phát hiện 25ng/ml</li> <li>- Độ nhạy tương quan: <math>\geq 95.8\%</math>; Độ đặc hiệu tương quan: <math>\geq 98.9\%</math></li> </ul> <p>Khay thử bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng hHb (cộng hợp kháng hHb).</li> <li>2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn một loại kháng thể đơn dòng khác kháng hHb và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát.</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản ở nhiệt độ thường</li> </ul>	25 Test/Hộp	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
62	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA.</li> <li>- Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (1,0±0,2 µg); Vạch thử: Kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (0,7±0,14 µg); vạch chứng: Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum (0,75 ± 0,15 µg)</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II).</li> <li>- Không xảy ra tương tác với 34 hợp chất: Phụ nữ mang thai, cholesterol cao, bilirubin cao, yếu tố dạng thấp, mỡ trong máu, huyết tan, tự miễn, xơ gan do rượu, mang thai nhiều lần, Abacavir, Acetaminophen, Axid acetylsalicylic, Amoxicillin, Aspirin, Cholecalciferol, Cyclobenzaprine, Darunavir, Diclofenac, Ergocalciferol, Axit folic, Hydrochlorothiazide, Ibuprofen, Sắt clorua, Isoniazid, Axit L-ascorbic, Naproxen, Nevirapine, Pantoprazole, Magie sulfat, Metformin, Pyrazinamide, Rifampicin, Ritonavir, Axit salicylic</li> <li>- Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm.</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO</li> <li>- Được đánh giá bởi USAID</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu</li> </ul>	Hộp 30 test	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
63	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói bao gồm: Test thử, Dung dịch pha loãng, Pipet mao quản, Kim chích tiết trùng, Miếng bông thấm cotton để lấy mẫu máu chích đầu ngón tay.</li> <li>- Độ nhạy: 99.3% và Độ đặc hiệu: 99.5% so với TPHA.</li> <li>- Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử.</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng - kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (1,0±0,2 µg); Vạch thử: Kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17, 15KDa) (0,7±0,14 µg); vạch chứng: Huyết thanh dê kháng Treponema pallidum (0,75 ± 0,15 µg)</li> <li>- Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II).</li> <li>- Không xảy ra tương tác với 34 hợp chất: Phụ nữ mang thai, cholesterol cao, bilirubin cao, yếu tố dạng thấp, mỡ trong máu, huyết tan, tụt miễn, xơ gan do rượu, mang thai nhiều lần, Abacavir, Acetaminophen, Acid acetylsalicylic, Amoxicillin, Aspirin, Cholecalciferol, Cyclobenzaprine, Darunavir, Diclofenac, Ergocalciferol, Axit folic, Hydrochlorothiazide, Ibuprofen, Sắt clorua, Isoniazid, Acid L-ascorbic, Naproxen, Nevirapine, Pantoprazole, Magie sulfat, Metformin, Pyrazinamide, Rifampicin, Ritonavir, Acid salicylic</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO</li> <li>- Được đánh giá bởi USAID.</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu</li> </ul>	Hộp 100 test	Test	200

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng tại Kho vật tư – hóa chất của bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán 100% sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hàng hóa, hóa đơn và các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu: VT; PVT-TBYT;

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hưng Đạo**